

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	3
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	3
1. Mục đích	3
2. Yêu cầu	3
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	4
IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	5
2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	8
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	10
V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	11
1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	11
1.1. Kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo số lượng dự án.....	12
1.2. Kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo chỉ tiêu sử dụng đất ...	13
1.3. Kết quả thực hiện vào kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2021 trở về trước (quá 03 năm).....	18
2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	19
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023..	19
VI. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	20
1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024.....	20
2. Các dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	24
3. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	27
4. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	27
4.1. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	27
5. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.....	32
5.1. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng	32
5.2. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hồ sơ địa chính.....	32
6. Chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất năm 2024.....	33
7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất ...	34
VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	35
1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	35

1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	35
1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường	36
2. Giải pháp về nguồn lực	37
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	37
3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	38
3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất	38
4. Giải pháp khác	39
4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	39
4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	39
4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án	40
VIII. KẾT LUẬN	41

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Theo quy định tại khoản 2, Điều 37 và khoản 1, Điều 52 Luật Đất đai năm 2013: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT), Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện Nhơn Trạch đã tiến hành xây dựng Đề cương nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch.

Từ các lý do trên cho thấy việc Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch là cần thiết và phù hợp với quy định của Pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình bổ sung theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013;

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2020 - 2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất phi phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Danh mục các dự án cần thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hàng năm trên địa bàn huyện Nhơn Trạch được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;
- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Nhơn Trạch được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.
- Nghị Quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã.
- Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh.
- Nghị Quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai (lần 1).
- Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023.

- Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị Quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3).

- Nghị Quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024.

- Nghị Quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

- Nghị Quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng năm 2023 tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất để thực hiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Báo cáo Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KTXH-QPAN năm 2023, các chỉ tiêu chủ yếu và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Nhơn Trạch;

- Thông báo số 187/TB-HĐTĐQHKHSDD ngày 21/12/2023 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc kết luận thẩm định hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch;

- Báo cáo số 1281/BC-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch.

- Kết quả Thống kê đất đai năm 2022; các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2023; các trường hợp đã chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân;

- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Nhơn Trạch nằm ở phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai. Có tổng diện tích tự nhiên là 37.677,89 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn

Hiệp Phước là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Long Thành;
- Phía Bắc và Tây Bắc giáp thành phố Thủ Đức, TP HCM;
- Phía Nam và Đông Nam giáp huyện Mỹ Xuân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Cần Giờ thành phố HCM.

Huyện Nhơn Trạch nằm tại trung tâm của khu vực tam giác trọng điểm phát triển kinh tế và đô thị (TP HCM - Biên Hòa - Vũng Tàu) nên huyện có nhiều lợi thế để phát triển trên mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt thuận lợi để mở rộng khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Đây đồng thời cũng là sức ép rất lớn đối với việc định hướng sử dụng đất của huyện, đặc biệt trong phân bổ cơ cấu sử dụng đất hợp lý để khai thác các tiềm năng sẵn có khác, đồng thời đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

Có hệ thống giao thông đường bộ thuận lợi ngoài đường cao tốc TP HCM Long Thành - Dầu Giây đã được đầu tư và đi vào hoạt động, các tuyến đường như đường cao tốc liên vùng phía nam Long Thành - Bến Lức, đường vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh, đường 25C đang tiếp tục được đầu tư, ngoài ra hai tuyến tỉnh lộ 25B và 769 chạy dọc theo chiều dài huyện góp phần thúc đẩy phát triển thông thương, giao lưu kinh tế giữa các huyện của tỉnh và với các tỉnh khác;

Từ những điều kiện thuận lợi về vị trí nên huyện được quy hoạch là hạt nhân phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bảng 1: Diện tích tự nhiên theo từng đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Toàn huyện	37.677,89	100,00
1	Đại Phước	1.658,55	4,40
2	Hiệp Phước	1.874,98	4,98
3	Long Tân	3.570,36	9,48
4	Long Thọ	2.381,63	6,32
5	Phú Đông	2.211,98	5,87
6	Phú Hội	1.906,69	5,06
7	Phú Hữu	2.173,69	5,77
8	Phước An	11.364,99	30,16
9	Phước Khánh	3.756,70	9,97
10	Phước Thiện	1.702,02	4,52

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
11	Phú Thạnh	1.750,53	4,65
12	Vĩnh Thạnh	3.325,76	8,83

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Nhơn Trạch tương đối đơn giản mang đặc thù của vùng đồng bằng ven biển, thường xuyên chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều. Diện tích đất canh tác nông nghiệp tương đối lớn nhưng hiệu quả đem lại không cao do phần lớn đất bị nhiễm phèn, mặn ở dưới tầng sâu; tầng đất mặt ở khu vực cao hơn phần lớn lại là đất xám lại có lượng sét lẫn sạn sỏi tương đối lớn nên nghèo dinh dưỡng. Nền địa chất của khu vực tương đối vững chắc, địa hình dạng bằng phẳng nên rất phù hợp xây dựng. Địa hình phân thành 2 dạng chủ yếu:

- Dạng địa hình cao;
- Dạng địa hình thấp, trũng, ngập nước.

1.3. Khí hậu

Nhơn Trạch thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, không có những cực đoan lớn về khí hậu, rất thuận lợi cho bố trí sử dụng đất.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ cao đều quanh năm và khá ổn định, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25 - 26⁰C. Biên độ nhiệt trong mùa mưa đạt 5,5 - 8⁰C, trong mùa khô đạt 5 - 12⁰C.

+ Lượng mưa: trung bình khoảng 1.800 - 2.000 mm/năm. Lượng mưa phân bố không đều tạo nên hai mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 90% lượng mưa hàng năm, trong đó các tháng 8, 9, 10 có lượng mưa cao nhất; có tháng lượng mưa lên đến 500 mm. Các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với khoảng 10% lượng mưa trong năm. Có một số tháng hầu như không có mưa như tháng 1 và tháng 2.

+ Độ ẩm không khí trung bình năm từ 78 - 82%. Các tháng mùa mưa có độ ẩm tương đối cao 85 - 93%. Các tháng mùa khô có độ ẩm tương đối thấp 72 - 82%. Độ ẩm cao nhất 95%, thấp nhất 50%.

Tuy nhiên, với diễn biến biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng phức tạp cũng là một thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4. Thủy văn

Huyện Nhơn Trạch có nhiều sông suối lớn, sông còn là ranh giới với các huyện xung quanh. Phía Bắc và phía Tây có sông Đồng Nai, sông Cái và sông Nhà Bè, các sông này đều chảy thông với nhau (sông Cái là một nhánh của sông Đồng Nai nối với sông Nhà Bè) và thông ra sông Lòng Tàu (phía Tây Nam).

Thượng nguồn sông Thị Vải nằm về phía Đông Nam của huyện. Sông Đồng Tranh nối với sông Thị Vải và sông Lòng Tàu làm thành ranh giới phía Nam với huyện Cần Giờ. Sông Cầu Trai chạy song song với sông Nhà Bè, sông Cầu Trai nối nhánh với sông Nhà Bè và sau đó lại đổ vào sông Nhà Bè. Sông Phước Lý và rạch Ông Kèo nối liền với nhau chạy song song với sông Nhà Bè ở phía Tây huyện Nhơn Trạch, sông Phước Lý - Ông Kèo nối nhánh với sông Cái.

Sông Đồng Nai: Nằm phía Bắc huyện Nhơn Trạch, sâu 5-7m, rộng 500-700m. Sông còn có một nhánh nhỏ là sông Cái đi vòng quanh cù lao Ông Cò sát phía Bắc của huyện Nhơn Trạch. Trên sông Cái có cảng Hải quân phục vụ cho mục đích quân sự.

Sông Nhà Bè sâu 10m, rộng 1000m, nằm phía Tây huyện Nhơn Trạch, nối với các đô thị khác trên hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn - Nhà Bè.

Sông Lòng Tàu sâu 10m, rộng 500-700m nằm ở phía Tây Nam huyện Nhơn Trạch nối sông Nhà Bè với Vũng Tàu.

Sông Đồng Tranh sâu 5-7m rộng 400m nằm ở phía Nam huyện. Phía Đông Nam huyện Nhơn Trạch là sông Thị Vải, sông có độ sâu trên 12m, rộng 500m.

2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo phân loại của FAO/UNESCO thì toàn huyện có 4 nhóm đất chính và 10 đơn vị đất như sau:

- Nhóm đất phù sa 19.729,7 ha, phân bố ở vùng thấp phía Bắc, phía Đông và Nam huyện. Trong nhóm đất này có 3.868,3 ha đất phèn tiềm tàng sâu, không hoặc ít bị ảnh hưởng của nước mặn tràn hoặc mạch mặn, là nơi trồng hai vụ lúa chắc; đất phèn tiềm tàng sâu mặn 4.194,3 ha, phân bố trong khu vực thủy lợi Ông Kèo; đất mặn trung bình do nước mạch mặn hoặc do tồn dư muối trong đất chưa bị rửa trôi hết, hiện cấy một vụ lúa mùa mưa.

Phần đất còn lại bị mặn tràn do thủy triều, hàm lượng muối trong đất rất cao, khoảng 0,2% Cl ở lớp đất mặt và trên 1% ở lớp đất sâu. Đất này dành cho lâm nghiệp trồng rừng ngập mặn.

- Nhóm đất gley phèn 1.137,5 ha, phân bố ven chân đê ở xã Vĩnh Thanh và Hiệp Phước. Ở xã Vĩnh Thanh các lớp đất mặt là phù sa, các lớp dưới là cát biển, lớp phủ dày mỏng tùy thuộc gần hay xa chân đê gò; trong khi đó ở xã Hiệp Phước thì ngược lại, phần đất mặt là do rửa trôi, xói mòn ở trên đê gò đưa xuống có thành phần cơ giới thô, các phần dưới có nguồn gốc là phù sa phèn, cơ giới trung bình có lẫn xác thực vật. Đây là vùng sản xuất lúa năng suất cao, hầu hết cấy lúa 2 vụ, một số nơi trồng 3 vụ.

- Nhóm đất cát biển 613,0 ha; phân bố ở xã Phước An và một phần xã Long Thọ. Nguồn gốc do cát biển hình thành; phần lớn diện tích này bỏ hoang hoặc khai thác cát cho xây dựng, một số nơi trồng điều, cây ăn trái, hoa màu.

- Nhóm đất xám chiếm toàn bộ vùng đê gò của huyện, diện tích 12.585,2 ha. Đất được hình thành trên mẫu chất phù sa cổ và có thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, tỷ lệ cát khoảng 75-80%, tầng đất dày trên 1m; độ dốc hầu hết

dưới 3⁰ trừ một ít diện tích ven sườn đồi phía Bắc và phía Đông trên 8⁰. Nhóm đất này thích hợp cho cây dài ngày, hoa màu và cũng rất thích hợp cho xây dựng; riêng 1.673 ha đất vùng thấp hơn xung quanh hoặc ở chân sườn đồi tiếp giáp với nhóm đất phù sa, các tầng đất dưới bị gley, thích hợp với 2 vụ lúa trong mùa mưa hoặc 1 mùa 1 vụ.

b. Tài nguyên nước

* **Nước mặt:** Ngoài nước mưa, nguồn nước mặt chủ yếu được cung cấp chủ yếu từ các sông suối thuộc hệ thống sông Đồng Nai, tuy nhiên phần lớn đều bị nhiễm phèn, mặn nên khả năng sử dụng không cao.

* **Nước ngầm:** Theo tài liệu khảo sát của Liên đoàn Địa chất - thủy văn 8 cho thấy, nguồn nước ngầm tại vùng Long Thành - Nhơn Trạch khá phong phú. Chất lượng nước được đánh giá khá tốt, độ mặn <100 mg/l (riêng khu vực xã Phước Khánh nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn) và hàm lượng sắt không lớn (2-5 mg/l). Các tầng chứa nước ngầm ở Nhơn Trạch gồm 4 tầng cụ thể: tầng chứa nước Holocen (Q_{IV}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_{II-III}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_I), tầng chứa nước Pliocen (N₂).

Nhìn chung các khu vực ven sông như: Phước Khánh, Đại Phước, Phú Hữu,... có nguồn nước ngầm khá lớn nhưng lại bị nhiễm mặn, khả năng đưa vào khai thác sử dụng cho sinh hoạt bị hạn chế. Ở khu vực địa hình cao, lượng nước ngầm có trữ lượng lớn, không bị nhiễm mặn nhưng hiện nay lại bị khai thác tràn lan do việc cung cấp nước máy cho nhu cầu sinh hoạt còn hạn chế. Vì vậy trong thời gian tới cần phải đầu tư hệ thống cấp nước để giải quyết triệt để nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân.

Riêng khu vực đồi gò thấp ở các xã trung tâm thì nguồn nước ngầm không bị nhiễm phèn mặn nhưng độ sâu khai thác lớn. Trong tình hình hiện nay, mật độ dân cư ngày càng tăng cao nên nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt rất lớn, trong khi đó việc khai thác nguồn nước phục vụ sinh hoạt trong các khu dân cư hiện nay phần lớn là tự phát, nếu không có các biện pháp quản lý việc khai thác nước ngầm thì nguy cơ ảnh hưởng đến dòng chảy của các tầng chứa nước và khả năng ô nhiễm nguồn nước ngầm là không nhỏ.

c. Tài nguyên rừng

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất rừng của huyện là 4.273,74 ha. Như vậy diện tích rừng của huyện không nhiều và chủ yếu là rừng ngập mặn, tập trung nhiều nhất ở phía Nam huyện thuộc xã Long Thọ, Phước An chiếm 11,65% diện tích tự nhiên của huyện, là khu vực do Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành quản lý; có tác dụng hạn chế khả năng xâm nhập mặn vào các vùng sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó cũng phù hợp cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối hạn chế về chủng loại, nguồn khoáng sản chủ yếu là cát, sét gạch ngói. Trữ lượng dự báo các loại khoáng sản được đánh giá thuộc loại rất triển vọng cát xây dựng 31,9

triệu m³ (Đòng Mu Rùa) tập trung chủ yếu ở dải trầm tích Kainozoi từ Long Thành đến Nhơn Trạch, sét gạch ngói 167 triệu m³ (Vũng Gấm).

e. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân huyện Nhơn Trạch có truyền thống yêu nước, cần cù, yêu lao động, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển địa phương phù hợp với nhịp điệu chung của xã hội; trong suốt quá trình xây dựng và phát triển những đặc tính đó luôn được phát huy và ghi nhận trong đời sống xã hội bằng những công trình mang đậm nét văn hóa qua từng thời kỳ như miếu, đình, đền... Các di tích lịch sử được tinh công nhận như khu di tích Địa đạo Nhơn Trạch, bia tưởng niệm Giồng Sắn... và các tập tục, lễ hội phi vật thể trong các công đồng dân cư.

Để xây dựng địa phương trở thành trung tâm văn hóa, xã hội, kinh tế của khu vực, nhân dân huyện Nhơn Trạch có nhiều động lực để tiếp tục phát huy các truyền thống quý báu của cha ông. Bên cạnh đó việc bảo tồn văn hóa phi vật thể và các công trình văn hóa cần được quan tâm, hạn chế tác động của đời sống hiện đại của đô thị làm mai một các nét văn hóa địa phương.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

a. Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Nhơn Trạch năm 2022 thì ngành công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 ước đạt 186.222 tỷ đồng, tăng 17,64% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng trở lại sau dịch bệnh Covid được kiểm soát và phát triển khá tốt. Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện ổn định, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa đáp ứng nhu cầu của người dân. Đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn huyện năm 2022, ban hành kế hoạch triển khai thực Chương trình hành động phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bên cạnh đó ngành nông nghiệp sản áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tổng diện tích gieo trồng trong năm 2022 đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện sản xuất với diện tích là 6.604 ha/6.574 ha, đạt 100,4% kế hoạch đề ra năm 2022, so với cùng kỳ năm đạt 99,5 %, giảm 0,4%.

b. Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2021, huyện Nhơn Trạch có dân số trung bình là 271.610 người chiếm 10,61% dân số trung bình của tỉnh Đồng Nai, trong đó: Dân số thành thị là 58.810 người, dân số nông thôn là 214.700 người. Mật độ dân số của huyện là 721 người/km² và là huyện có mật độ dân số khá cao so với toàn tỉnh.

c. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 37.677,88 ha, trong đó đất nông nghiệp 22.401,33 ha, đất phi nông nghiệp 15.276,56 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đã thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch được duyệt với là 64 dự án/1.685,99 ha. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay có 56 dự án với tổng diện tích 1.571,11 ha đã và đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất, còn lại 08 dự án với tổng diện tích 326,97 ha chưa triển khai thực hiện (đạt 87,5% về số lượng dự án; đạt 93,19% về diện tích thực hiện).

- **Các dự án đã hoàn thành các thủ tục đất đai:** 02 dự án/54,12 ha.

- **Các dự án đang thực hiện:** 54 dự án/1.516,99 ha. Trong đó:

+ *Các dự án đã có quyết định thu hồi đất: 05 dự án/168,62 ha;*

+ *Các dự án đang thực hiện các thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất: 28 dự án/1.118,04 ha;*

+ *Các dự án đã có hiện trạng, đang thực hiện thủ tục giao đất: 21 dự án/230,33 ha.*

+ *Đề xuất chuyển tiếp 52 dự án/ 1.512,74 ha.*

+ *Đề xuất hủy 02 dự án/4,25 ha*

- **Các dự án chưa thực hiện:** có 08 dự án/326,97 ha. Trong đó:

+ *Đề xuất hủy kế hoạch: 8 dự án/326,97 ha.*

+ *Đề xuất chuyển tiếp kế hoạch: 0 dự án.*

Chi tiết kết quả đạt thực hiện như sau:

1.1. Kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo số lượng dự án

Bảng 2: Kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo số lượng dự án

STT	Mục đích sử dụng	Kế hoạch SDD năm 2023 được duyệt		Kết quả thực hiện			
		Số dự án	Diện tích (ha)	Đã và đang		So sánh	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất quốc phòng	1	5,00	-	-	-	-
2	Đất khu công nghiệp	1	206,70	1	206,70	100,00	100,00
3	Đất giao thông	20	721,77	18	717,24	90,00	99,37
4	Đất thủy lợi	1	16,42	1	16,42	100,00	100,00
5	Đất xây dựng cơ sở y tế	1	5,00	1	5,00	100,00	100,00
6	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	18	158,27	18	158,27	100,00	100,00
7	Đất công trình năng lượng	8	10,42	7	10,29	87,50	98,75
8	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	8,84	1	8,84	100,00	100,00
9	Đất ở tại nông thôn	12	517,73	8	200,42	66,67	38,71
10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp	1	0,07	1	0,07	100,00	100,00
Tổng		64	1.650,22	56	1.323,25	87,50	80,19

(Chi tiết kết quả thực hiện các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được đính kèm phụ lục Biểu 2B/CH)

- **Đất quốc phòng:** chưa thực hiện 1 dự án với diện tích 5,0 ha dự án xây dựng trụ sở làm việc của BCHQS huyện Nhơn Trạch không đạt chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

- **Đất khu công nghiệp:** đang lập thủ tục cho thuê đất 01/01 khu công nghiệp với tổng diện tích 206,70 ha, đạt 100% về chỉ tiêu số lượng và đạt 100% về chỉ tiêu diện tích (Khu công nghiệp Ông Kèo).

- **Đất giao thông:** đã và đang thực hiện 18 dự án/717,24 ha, đạt 75,86% về số lượng và 87,22% về diện tích so với kế hoạch được duyệt, trong đó có một số tuyến đường trọng điểm của tỉnh như đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành đã

hoàn thành công tác bồi thường, đang triển khai xây dựng,, đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh, nâng cấp mở rộng đường 25B,

- **Đất thủy lợi:** đang thực hiện 01 dự án/16,42 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt: Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C).

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** có 1 dự án/5 ha đang thực hiện là dự án Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch tại xã Phước An quy mô 5 ha.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** đang thực hiện 18 dự án/158,27 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất công trình năng lượng:** đã và đang thực hiện 7 dự án/10,29 ha, đạt 87,5% so với kế được duyệt, trong đó có 02 dự án đã hoàn thành công tác thu hồi đất.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** đang thực hiện dự án Dự án Nghĩa trang Long Thọ phân diện tích đã hoàn thành công tác bồi thường 8,84 ha.

- **Đất ở tại nông thôn:** đang thực hiện 08/12 dự án, với diện tích 200,42 ha, đạt 66,67% về số lượng và đạt 38,71% về diện tích kế hoạch được duyệt, đây chủ yếu là các dự án khu dân cư, tái định cư trên địa bàn, đặc biệt có một số dự án khu dân cư với quy mô lớn.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp:** đang thực hiện dự án Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai 0,07 ha đạt 100% chỉ tiêu duyệt về số lượng dự án cũng như diện tích.

Như vậy, kế hoạch được duyệt năm 2023 của huyện dự kiến sẽ thực hiện 64 dự án/1.650,22 ha; tính đến nay đã và đang thực hiện 56 dự án/1.323,25 ha, đạt 87,50% về số lượng dự án và 80,19% về diện tích so với kế hoạch được duyệt.

1.2. Kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo chỉ tiêu sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 với diện tích các nhóm đất gồm: đất nông nghiệp 22.130,38 ha; đất phi nông nghiệp 15.547,50 ha.

Ngày 14/4/2023, UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 14/4/2023. Theo đó, diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được điều chỉnh là: đất nông nghiệp 21.536,76 ha, đất phi nông nghiệp 16.141,12 ha.

Trên cơ sở các dự án đã và đang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, kết quả đạt thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo chỉ tiêu sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Kết quả thực hiện
-----	----------------------	----	-----------	-------------------

			kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.536,76	22.401,33	864,57	104,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.825,34	3.431,06	605,72	121,44
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.661,27</i>	<i>3.256,19</i>	<i>594,92</i>	<i>122,35</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.955,14	5.097,48	142,35	102,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.577,74	7.877,30	299,56	103,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.265,76	4.170,98	-94,79	97,78
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.908,58	1.820,31	-88,27	95,38
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	4,20	-	100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.141,12	15.276,56	-864,56	94,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	594,81	590,50	-4,31	99,28
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	8,46	-	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.009,88	2.829,87	-180,01	94,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	87,44	-	100,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	359,08	754,40	395,32	210,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	182,22	183,55	1,33	100,73
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,74	3,36	0,62	122,68
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.431,80	2.578,46	-853,34	75,13
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất giao thông	DGT	2.586,92	1.986,05	-600,87	76,77
	- Đất thủy lợi	DTL	166,55	159,77	-6,78	95,93
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	64,71	42,71	-22,00	66
	- Đất cơ sở y tế	DYT	21,92	11,98	-9,94	54,67
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	311,26	143,87	-167,39	46,22
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	30,64	28,69	-1,95	93,65
	- Đất công trình năng lượng	DNL	84,87	75,24	-9,63	88,65
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	2,32	-	100,2
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	7,65	-	100,03
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	0,12	-	98,65
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	34,13	-	100
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,06	79,76	2,70	103,5
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	0,01	-	98,53
	- Đất chợ	DCH	6,08	6,05	-0,03	99,5
	- Đất công trình công cộng khác	DKK	37,57	0,11	-37,46	0,29
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,76	3,87	0,11	102,88
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	314,19	311,00	-3,19	98,98
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.103,92	1.844,38	-259,55	87,66
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	233,27	231,90	-1,37	99,41
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	14,40	-	100,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	37,12	27,25	-9,87	73,4
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,39	16,42	0,02	100,14

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.694,32	5.743,99	49,67	100,87
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	47,32	-	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-

(Chi tiết kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đính kèm phụ lục Biểu 02/CH)

a. Đất nông nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt có diện tích 21.536,76 ha, thực hiện đến nay là 22.401,33 ha, cao hơn 864,57 ha, đạt 104,01% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do một số dự án như Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ, một số dự án khu dân cư có quy mô diện tích lớn ... dự kiến sẽ thực hiện trong năm 2023, tuy nhiên, đến nay các dự án này vẫn chưa triển khai được các thủ tục về đất đai. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân dự kiến chuyển mục đích trong năm 2023 nhưng đến nay chưa thực hiện hết các chỉ tiêu đã đăng ký kế hoạch.

Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt là 2.825,34 ha, thực hiện đến nay có diện tích 3.431,06 ha, cao hơn 806,72 ha, đạt 121,44% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước thực hiện được 3.256,19 ha, cao hơn 594,92 ha và đạt 122,35% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất trồng lúa cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt nguyên nhân là do diện tích đất trồng lúa xin chuyển mục đích sang các loại đất khác đăng ký trong kỳ kế hoạch đến nay chưa thực hiện hết, chủ yếu là diện tích đất trồng lúa trong các dự án có quy mô lớn cùng với chỉ tiêu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân đã đăng ký chuyển mục đích chưa giảm đi theo kế hoạch để chuyển sang các mục đích sử dụng đất khác.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.955,14 ha, thực hiện đến nay có diện tích 5.097,48 ha, cao hơn 142,35 ha, đạt 102,87% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 7.577,74 ha, thực hiện đến nay có diện tích 7.877,30 ha, cao hơn 299,56 ha, đạt 103,95% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất rừng phòng hộ:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.265,76 ha, thực hiện đến nay có diện tích 4.170,98 ha, thấp hơn 94,79 ha, đạt 97,78% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.908,58 ha, thực hiện đến nay có diện tích 1.820,31 ha, thấp hơn 88,27 ha, đạt 95,38% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nông nghiệp khác:** Chỉ tiêu được duyệt là 4,2 ha, kết quả thực hiện đạt 100% chỉ tiêu duyệt.

b. Đất phi nông nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp được duyệt là 16.141,12 ha, đến nay thực hiện được 15.276,56 ha, thấp hơn 864,56 ha và đạt 94,64% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chỉ tiêu đất phi nông nghiệp thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là do còn 08 dự án đã đăng ký kế hoạch năm 2023 nhưng chưa thực hiện trong đó cá biệt có một số dự án có quy mô lớn như: khu dân cư Phú Hữu (Phú Thịnh Land), khu dân cư Điền Phước (Long Tân).

So với kế hoạch được duyệt thì các chỉ tiêu trong nhóm đất phi nông nghiệp đạt kết quả như sau:

- **Đất quốc phòng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 594,81 ha, thực hiện đến nay thấp hơn 4,31 ha, đạt 99,28% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** thực hiện đến nay có 8,46 ha, chỉ tiêu duyệt 8,46 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3.009,88 ha, thực hiện đến nay có diện tích 2.829,87 ha, thấp hơn 180,01 ha so với chỉ tiêu duyệt

- **Đất cụm công nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 87,44 ha, thực hiện đến nay có 87,44 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt là 359,08 ha, thực hiện đến nay có 754,40 ha, đạt 210,09% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất kinh doanh được duyệt là 182,22 ha, thực hiện đến nay có diện tích 183,55 ha, đạt 101,73% so với kế hoạch được duyệt nguyên nhân do một số dự án có chiếm dụng đến loại đất này chưa thực hiện nên chỉ tiêu giảm đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện không đạt.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** Chỉ tiêu được duyệt là 2,74 ha, thực hiện đến nay có diện tích 3,36 ha, đạt 122,68% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân giảm không đạt chỉ tiêu cũng tương tự như đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3.431,80 ha, kết quả thực hiện được 2.578,46 ha, thấp hơn 853,34 ha, đạt 75,13% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ *Đất giao thông*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2.586,92 ha, kết quả thực hiện đến nay là 1.986,05 ha, đạt 76,77% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân còn 02 dự án giao thông vẫn chưa thực hiện trên địa bàn.

+ *Đất thủy lợi*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 166,55 ha, kết quả thực hiện đến nay là 159,77 ha, đạt 95,93% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hoá*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 64,71 ha, kết quả thực hiện đến nay là 42,71 ha, đạt 66,0% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 21,92 ha, kết quả thực hiện đến nay là 11,98 ha, đạt 54,67% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân có 01 công trình/ 5 ha là trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch chưa thực hiện và đất cơ sở y tế theo quy hoạch chi tiết trong các dự án đã được phê duyệt nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 311,26 ha, kết quả thực hiện đến nay là 143,87 ha, đạt 46,22% so với kế hoạch thấp hơn 167,39 ha so với chỉ tiêu được duyệt nguyên nhân chỉ tiêu này đạt thấp là do chưa thực hiện các công trình: Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ 147 ha và đất cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy hoạch chi tiết trong các dự án đã được phê duyệt nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 30,64 ha, kết quả thực hiện đến nay là 28,69 ha, đạt 93,65% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình năng lượng*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 84,87 ha, kết quả thực hiện đến nay là 75,24 ha, đạt 88,65% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông, đất có di tích lịch sử văn hóa, đất bãi thải, xử lý chất thải. Đất cơ sở tôn giáo, Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ*: chỉ tiêu kế hoạch được duyệt và kết quả thực hiện đến nay là ổn định, không biến động so với kế hoạch được duyệt, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 77,06 ha, kết quả thực hiện đến nay là 79,76 ha, đạt 103,5% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất chợ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 6,08 ha kết quả thực hiện đến nay là 6,05 ha thấp hơn 0,03 ha với kế hoạch được duyệt; đạt 99,5% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,76 ha, kết quả thực hiện có diện tích 3,87 ha, đạt 102,88% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 314,19 ha, kết quả thực hiện đến nay có diện tích 311,0 ha, đạt 98,98% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2.103,92 ha, kết quả thực hiện là 1.844,38 ha, thấp hơn 259,55 ha, đạt 87,66% so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp hơn kế hoạch đề ra là do còn một số dự án khu dân cư vẫn chưa thực hiện.

- **Đất ở tại đô thị:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 233,27 ha, kết quả thực hiện là 231,90 ha, thấp hơn 1,37 ha, đạt 99,41% so với kế hoạch được duyệt do do thực hiện mở rộng đường 25B.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 14,40 ha, kết quả thực hiện 14,40 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 37,12 ha, kết quả thực hiện 27,25 đạt 73,4% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất tín ngưỡng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 16,39 ha, kết quả thực hiện đến nay 16,42 ha đạt 100,14% so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 5.694,32 ha, chỉ tiêu thực hiện đến nay là 5.743,99 ha đạt 100,87% so với kế hoạch được duyệt nguyên nhân do chưa thực hiện các dự án.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 47,32 ha, thực hiện đến nay là 47,32 ha đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

1.3. Kết quả thực hiện vào kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2021 trở về trước (quá 03 năm).

a. Đối với các dự án đã được chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt

Trong tổng số 64 dự án/1.650,22 ha đã được UBND tỉnh phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, có 41 dự án/ 1.461,37 ha quá 03 năm. Tiến độ thực hiện dự án này cụ thể như sau:

a. Các dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai: có 02 dự án/ 54,12 ha đã hoàn thành các thủ tục đất đai. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** có 01 dự án/54 ha đã hoàn thành và đưa vào sử dụng: Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài) tại xã Phước Thiện.

+ **Đất công trình năng lượng:** có 1 dự án Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

b. Các dự án đang thực hiện các thủ tục đất đai: có 32 dự án/ 833,05 ha đang thực hiện các thủ tục đất đai. Trong đó:

- **Các dự án đã có quyết định thu hồi đất:** 06 dự án/218,02 ha đã hoàn thành thủ tục thu hồi đất, gồm các dự án sau:

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* 02 dự án/ 1,35 ha. Trong đó đề xuất hủy 01 dự án/0, 65 ha là trường mẫu giáo Phú Hội nằm trong Khu dân cư

phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng) tại xã Phú Hội do trường mẫu giáo Phú Hội nằm trong quy hoạch chi tiết của Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng) tại xã Phú Hội cũng đã có quyết định thu hồi đất.

+ *Đất giao thông*: 02 dự án/199,10 ha.

+ *Đất năng lượng*: có 01 dự án/0,28 ha.

+ *Đất ở tại nông thôn*: có 01 dự án/17,29 ha.

- **Các dự án đang thực hiện các thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất**: 26 dự án/ 615,03 ha. Cụ thể như sau:

+ *Đất cơ sở giáo dục đào tạo*: 10 dự án/6,42 ha;

+ *Đất giao thông*: 08 dự án/342,49 ha;

+ *Đất công trình năng lượng*: 05 dự án/9,89 ha; trong đó đề xuất hủy bỏ 01 dự án/3,6 ha do rà soát chưa phù hợp với các quy hoạch trên địa bàn;

+ *Đất khu công nghiệp*: 01 dự án/206,7 ha;

+ *Đất ở tại nông thôn*: có 02 dự án/49,53 ha.

c. Các dự án chưa thực hiện: có 08 dự án/326,97 ha. Trong đó toàn bộ đề xuất hủy kế hoạch thực hiện dự án.

2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2023 đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện; tỷ lệ các dự án đã triển khai thực hiện là khá cao (đạt 87,5%). Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại sau:

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quy trình các bước thực hiện (từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo cho người bị thu hồi đất nhận tiền bồi thường) phải qua nhiều công đoạn. Đến nay, pháp luật đất đai chưa quy định cụ thể trình tự thủ tục và thời gian thực hiện. Tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thời gian hoàn thành các công đoạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhưng trên thực tế việc thực hiện còn chậm so với quy định, chủ yếu ở các khâu kiểm kê đất đai, tài sản bị

thiệt hại, xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường. Ngoài ra, việc triển khai các công việc sau khi có thông báo thu hồi đất đến khi trình thẩm định phương án bồi thường các dự án còn chậm. Việc thực hiện các khâu trong công tác bồi thường các dự án không đồng bộ, không liên tục và thường bị gián đoạn

Tình trạng người dân không phối hợp thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại để lập phương án bồi thường (phải tiến hành kiểm kê bắt buộc), không chấp hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra. Tình hình khiếu kiện của người bị thu hồi đất vẫn còn khá phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư.

Đối với các dự án có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai nhưng tiến độ thực hiện còn chậm nguyên nhân chủ yếu do: để đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều công trình đã được xây dựng trước mà chưa có các hồ sơ như: chấp thuận (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư, thẩm định nhu cầu, cam kết môi trường....; do vậy không đủ điều kiện để thực hiện giao đất. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm để thực hiện các dự án nằm trong kế hoạch dẫn đến tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm.

VI. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch đã bám sát phương hướng nhiệm vụ năm 2024 tại Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của huyện Nhơn Trạch năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2024. Cụ thể như sau:

1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2024

Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế đồng bộ, toàn diện, nhất là các ngành và lĩnh vực trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi bình đẳng. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phát triển kinh tế - xã hội; ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Về kinh tế

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách trong năm 2024, phấn đấu đạt hoặc vượt so với dự toán được giao. Bổ sung một số nhiệm vụ chi cấp thiết, điều chỉnh một số danh mục cho phù hợp. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm chi ngân sách đúng chế độ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách. Tập trung quyết liệt để hoàn thành các công trình trọng điểm. Rà soát các công trình, dự án còn dở dang để tập trung đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý ngay những vướng mắc liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Thực hiện ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng các công trình giao thông, xây dựng dân dụng theo quy định.

- Tập trung thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án kịp thời bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn huyện, nhất là các công trình trọng điểm như: đường Vành đai 3 Tp Hồ Chí Minh, đường Liên Cảng, đường 25C, các khu tái định cư, trường học...

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư tại Cụm tiểu thủ công nghiệp và Khu công nghiệp của huyện. Đẩy mạnh thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển nhằm khai thác các lợi thế, tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại cụm tiểu thủ công nghiệp, tăng khả năng tiếp nhận đầu tư, quan tâm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sử dụng đất hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện cho các dự án có quy mô lớn đã và sẽ đi vào hoạt động, các dự án khác đang đầu tư để tăng nhanh sản lượng công nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thực hiện khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tập trung, chỉ đạo sản xuất các vụ và các mô hình dự án sản xuất; chuẩn bị tốt việc làm đất, cung ứng giống cây trồng; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; đáp ứng đủ giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật cho phát triển sản xuất nông nghiệp, triển khai công tác tập huấn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng cây và tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tiếp tục tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân nông thôn tiếp cận được các hàng hóa có chất lượng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá, gây rối loạn thị trường. Phát triển các hoạt động thương mại điện tử.

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, đô thị, đất đai, tài nguyên môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác duy tu, duy trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra, kiểm soát thường xuyên để ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm; tập trung xử lý dứt điểm các công trình vi phạm xây dựng trên đất công, đất nông nghiệp...

- Cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đồng bộ việc giám sát của các cơ quan lý chuyên ngành về hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Phối hợp với các ngành chức năng của Tỉnh kiểm tra việc xử lý chất thải các khu công nghiệp.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản gắn với các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác xử lý chất thải, nhất là rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

b. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng... Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng y tế.

- Quản lý chặt chẽ giá thuốc, thiết bị y tế và chất lượng thuốc, thiết bị y tế. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên.

- Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, công tác bình đẳng giới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo năm 2023. Triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Ưu tiên thực hiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ vùng sâu vùng xa, con em gia đình chính sách, người có công, bộ đội xuất ngũ, con em gia đình trong các khu tái định cư.

- Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Tiếp tục công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đơn giản hoá các thủ tục và giấy phép bất hợp lý gây khó khăn cho hoạt động các doanh nghiệp, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

c. Nội chính, an ninh, quốc phòng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức của người dân, tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo trên tinh thần vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp của người dân, công khai minh bạch, đúng pháp luật. Xử lý dứt điểm những vụ việc tồn đọng kéo dài, hạn chế để xảy ra những vụ khiếu kiện mới phức tạp, nhất là trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tăng cường kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, thái độ phục vụ của cán bộ công chức với nhân dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực tổ chức và quản lý, có trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Thực hiện tốt cơ chế giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động tố tụng. Tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động, tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực chấp hành pháp luật, tính hiệu quả, công khai, minh bạch trong các chính sách của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các xã trên địa bàn huyện trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố và giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị lớn.

- Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, phối hợp chặt chẽ các lực lượng không để bị động bất ngờ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong các dịp kỷ niệm ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, hội nghị trên địa bàn. Không ngừng đảm bảo quốc phòng - an ninh, hoàn thành 100% chỉ tiêu công tác quốc phòng, quân sự địa phương, công tác tuyển quân năm 2023.

- Thực hiện tốt kế hoạch tuần tra kiểm soát đảm bảo an toàn giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp đua xe trái phép; thực hiện các chuyên đề như nồng độ cồn, xe quá tải, xe quá hạn sử dụng... nhằm kéo giảm tình hình tai nạn giao thông theo các tiêu chí: giảm số vụ, số người chết, người bị thương. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2. Các dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch trong năm 2023, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất trên địa bàn huyện Nhơn Trạch. Trong năm 2024 trên địa bàn huyện sẽ thực hiện 66 dự án/ 1.701,24 ha; phù hợp với kết luận thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch cấp huyện tại thông báo số 187/TB-HĐTĐQHKHSDĐ ngày 21/12/2023 và báo cáo tiếp thu giải trình số 1281/BC-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định về kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch. Trong đó:

- Dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 52 dự án/1.589,88 ha;

- Dự án bổ sung mới: 14 dự án/ 111,35 ha.

Bảng 04: Số lượng dự án thực hiện trong năm 2024

TT	Mục đích sử dụng	Tổng cộng		Trong đó			
		Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Chuyển tiếp từ KH2023		Bổ sung	
				Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Đất phi nông nghiệp						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Đất khu công nghiệp	1	531,70	1	206,70		325,00
2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	50	909,18	42	857,69	8	51,49
	<i>Trong đó:</i>						
	- Đất giao thông	19	712,04	17	663,24	2	48,80
	- Đất thủy lợi	2	16,8	1	16,42	1	0,38
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	2	0,81	-	-	2	0,81
	- Đất cơ sở y tế	1	5,00	1	5,00	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào	17	157,62	17	157,62	-	-

	<i>tạo</i>						
	- Đất công trình năng lượng	6	7,20	5	6,57	1	0,63
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	0,33	-	-	1	0,33
	- Đất cơ sở tôn giáo	1	0,54	-	-	1	0,54
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	1	8,841	1	8,841	-	-
3	Đất ở tại nông thôn	13	250,53	8	200,42	5	50,11
4	Đất ở tại đô thị	1	9,75	-	-	1	9,75
5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,07	1	0,07	-	-
Tổng		66	1.701,24	52	1.589,88	14	111,35

(Chi tiết các dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đính kèm tại Biểu 06/CH)

Cụ thể:

- **Đất khu công nghiệp:** có 01 dự án/531,70 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sang, thực hiện Khu công nghiệp Ông Kèo trong đó chuyển tiếp 206,70 ha và tiếp tục bổ sung diện tích thực hiện trong năm 2024 thêm 325,0 ha để thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất tại xã Phước Khánh.

- **Đất phát triển hạ tầng:** kế hoạch năm 2024 sẽ thực hiện 50 dự án/909,18 ha, trong đó có 42 dự án/857,69 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước, và 08 dự án/51,49 ha là dự án bổ sung mới. Cụ thể như sau:

+ **Đất giao thông:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sẽ thực hiện 19 dự án/712,04 ha, trong đó:

* Chuyển tiếp kế hoạch: 17 dự án/663,24 ha, trong đó có một số dự án quan trọng cấp tỉnh như: Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức); đường vành đai 3 Tp Hồ Chí Minh, Đường 25C, Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng), Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL19: 10,0 ha, Đường Liên cảng (GD1) 50,21 ha trên địa bàn các xã Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông và Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1 thuộc xã Phước Thiện 0,78 ha

* Bổ sung mới: 02 dự án/ 48,80 ha, gồm: Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo (giai đoạn 1) 34,15 ha, Bến thủy nội địa Phước Khánh 14,65 ha.

+ **Đất thủy lợi:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 02 dự án/ 16,80 ha. Trong đó:

* Chuyển tiếp kế hoạch: 01 dự án/ 16,42 ha, gồm Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C).

* Bổ sung kế hoạch: 01 dự án/ 0,38 ha tại xã Long Thọ: Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN Nhơn Trạch 6.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hoá:** Bổ sung 02 dự án/0,81 ha gồm: Trung tâm Văn hoá thể thao xã Vĩnh Thanh 0,49 ha và Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH áp 2 diện tích 0,32 ha.

+ **Đất cơ sở y tế:** chuyển tiếp 01 dự án/5 ha từ kế hoạch sử dụng đất kỳ trước qua: trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 17 dự án/ 157,62 ha. Trong đó:

* Chuyển tiếp thực hiện 17 dự án/ 157,62 ha: Trường Mầm non Phú Đông, Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh, Trường THCS Long Thọ 2, Trường Tiểu học Long Thọ 2, Trường mầm non Phước Long xã Long Thọ, mở rộng trường tiểu học Phú Đông, trường mầm non Đại Phước và trường TH Đại Phước, Làng đô thị giáo dục 147,0 ha tại xã Phước Thiên, Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm) 1,2 ha; Mở rộng THCS Hiệp Phước 0,41 ha, Trường THPT Phước Thiên 1,7 ha và Trường TH Phước Lai 1,33 ha đã được xây dựng ở hiện trạng, đưa vào để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Bổ sung kế hoạch: 0 dự án.

+ **Đất công trình năng lượng:** kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 06 dự án/ 7,20 ha

* Chuyển tiếp thực hiện kế hoạch đối với 05 dự án/6,57 ha, gồm có: Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước; Trạm biến áp 220KV An Phước; Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè; DZ 220kV đầu nối NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành; Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối.

* Bổ sung kế hoạch: 01 dự án/0,63 ha gồm: TBA110kV dẹt may và nhánh rẽ .

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** năm 2024 thực hiện 01 công trình/0,33 ha tại xã Long Thọ (Trạm trung chuyển rác xã Long Thọ).

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** năm 2024 sẽ thực hiện các thủ tục đất đai đối với 01 cơ sở tôn giáo/0,54 ha: Thiên viện Hương Nghiêm tại xã Phú Đông.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Chuyển tiếp kế hoạch thực hiện dự án Nghĩa trang Long Thọ, diện tích 8,84 ha đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- **Đất ở tại nông thôn:** năm 2024 thực hiện 13 dự án/250,53 ha, trong đó:

* Chuyển tiếp từ kỳ trước qua 08 dự án/200,42 ha gồm: Dự án nhà ở xã hội (hai vị trí), Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước 49,81 ha do Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland và Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Á Đông và khu đô thị du lịch Đại Phước 75,47 ha do Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú thực hiện theo hình thức đấu thầu chọn nhà đầu tư, khu tái định cư Phước An 40 ha, khu tái định cư Phú Hội 17,29 ha.....

* Bổ sung 05 dự án/50,11 ha cụ thể: Dự án Chung cư Khu Nhà ở xã hội Phước An 2,12 ha; Dự án Khu Nhà ở xã hội Phước An 5,6 ha (nằm trong quy hoạch chi tiết khu tái định cư Phước An); Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội (Công ty Cổ phần Đầu tư PV II) 9,99 ha, Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty TNHH Hai Dung) 22,75 ha; Khu dân cư đô thị tại xã Đại Phước (Công ty Cổ phần Địa ốc Bảo Cường) 9,65 ha.

- **Đất ở tại đô thị:** bổ sung thực hiện trong năm 2024 đối với 01 dự án/ 9,75 ha thuộc địa bàn thị trấn Hiệp Phước: Khu tái định cư Hiệp Phước 9,75 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** 01 dự án /0,07 ha. Năm 2023 sẽ tiếp tục thực hiện công trình Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai 0,07 ha tại xã Phước Khánh.

(Chi tiết các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được thể hiện tại Biểu 06/CH)

Như vậy, trong tổng số 66 dự án/ 2.167,61 ha thì có 52 dự án/1.598,99 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bổ sung mới 14 dự án/ 111,35 ha.

3. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Căn cứ vào đơn đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, trên cơ sở rà soát với các loại quy hoạch, đề xuất diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2024 như sau:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở: 2,42 ha.

Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở: 0,59 ha.

- Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 0,10 ha.

Diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân căn cứ vào chỉ tiêu chuyển mục đích nêu trên; vị trí chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân căn cứ vào bản đồ quy hoạch sử dụng đất được duyệt đảm bảo điều kiện phù hợp với các quy hoạch được duyệt trên địa bàn và đúng quy định của pháp luật.

4. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

4.1. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 đối với các dự án có sử dụng đất trên địa bàn huyện và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch được xác định như sau:

Bảng 05: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024
-----	----------------------	------------	--

		2023	Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	So sánh với hiện trạng năm 2023	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	22.401,33	21.207,82	-1.193,51	56,29
1.1	Đất trồng lúa	3.431,06	3.011,29	-419,77	14,20
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>3.256,19</i>	<i>2.848,11</i>	<i>-408,08</i>	<i>94,58</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	5.097,84	4.791,33	-306,51	22,59
1.3	Đất trồng cây lâu năm	7.876,94	7.460,69	-416,25	35,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.170,98	4.163,01	-7,97	19,63
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1.820,31	1.777,30	-43,01	8,38
1.6	Đất nông nghiệp khác	4,20	4,20	-	0,02
2	Đất phi nông nghiệp	15.276,56	16.470,07	1.193,51	43,71
2.1	Đất quốc phòng	590,50	590,50	-	3,59
2.2	Đất an ninh	8,46	8,46	-	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	2.829,87	3.155,37	325,50	19,16
2.4	Đất cụm công nghiệp	87,44	87,44	-	0,53
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	754,40	778,47	24,07	4,73
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	183,55	180,55	-3,00	1,10
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,36	2,74	-0,62	0,02
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.578,46	3.341,59	763,12	20,29
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất giao thông	1.986,05	2.578,33	592,29	77,16
	- Đất thủy lợi	159,77	164,13	4,36	4,91
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	42,71	47,20	4,49	1,41
	- Đất cơ sở y tế	11,98	16,97	4,99	0,51
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	143,87	297,09	153,22	8,89
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	28,69	28,69	-	0,86
	- Đất công trình năng lượng	75,24	80,23	4,99	2,40
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,32	2,32	-	0,07
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,65	7,65	-	0,23
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,12	0,45	0,33	0,01
	- Đất cơ sở tôn giáo	34,13	34,13	-	1,02
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	79,76	77,25	-2,51	2,31
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	0,01	0,01	-	-
	- Đất chợ	6,05	6,09	0,04	0,18
	- Đất công trình công cộng khác	0,11	1,04	0,93	0,03
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,87	3,87	-	0,02
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	311,00	311,49	0,49	1,89
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.844,38	1.988,05	143,67	12,07

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng 2023	Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
			Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	So sánh với hiện trạng năm 2023	Tỷ lệ (%)
2.12	Đất ở tại đô thị	231,90	240,10	8,20	1,46
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	14,40	-	0,09
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,25	27,32	0,07	0,17
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,42	16,39	-0,02	0,10
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.743,99	5.676,02	-67,97	34,46
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	47,32	-	0,29
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-

(Chi tiết chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 03/CH)

Cụ thể:

a. Đất nông nghiệp:

Trong năm 2024, thực hiện xây dựng các công trình phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật,... đã sử dụng đất nông nghiệp khác lớn nên trong kỳ kế hoạch diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện sẽ giảm 1.193,51 ha so với hiện trạng do chuyển mục đích sử dụng sang phi nông nghiệp để thực hiện các dự án như khu công nghiệp, các dự án phát triển hạ tầng về giao thông, thủy lợi, giáo dục, đất nhà ở xã hội, ...

Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- **Đất trồng lúa:** diện tích kế hoạch năm 2024 là 3.011,29 ha, dự kiến sẽ giảm 419,77 ha so với hiện trạng.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước có 2.848,11 ha, giảm 408,08 ha so với hiện trạng.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** có diện tích 4.791,33 ha, giảm 306,51 ha chủ yếu chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án về thương mại dịch vụ, phát triển hạ tầng,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** có diện tích 7.460,69 ha, giảm 416,25 ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Giảm 416,35 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đất khu công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở hạ tầng và đất ở.

+ Tăng 0,10 ha được chuyển từ đất trồng lúa sang phục vụ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân.

- **Đất rừng phòng hộ:** diện tích là 4.163,01 ha, giảm 7,97 ha so với hiện trạng. Toàn bộ diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện

dự án Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** diện tích là 1.777,30 ha, giảm 43,01 ha so với hiện trạng, diện tích giảm do chuyển sang đất khu công nghiệp, đất thương mại dịch vụ và đất cơ sở hạ tầng.

- **Đất nông nghiệp khác:** có diện tích là 4,20 ha, ổn định so với hiện trạng.

b. Đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp năm 2024 có diện tích 16,470,07 ha, tăng 1.193,51 ha so với hiện trạng.

Trong đó:

- **Đất quốc phòng:** diện tích 590,50 ha, ổn định so với hiện trạng.

- **Đất an ninh:** có diện tích 8,46 ha, ổn định so với hiện trạng.

- **Đất khu công nghiệp:** có diện tích 3.155,37 ha, tăng 325,50 ha để thực hiện hoàn thiện khu công nghiệp Ông Kèo.

- **Đất cụm công nghiệp:** diện tích là 87,44 ha ổn định so với hiện trạng.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** có diện tích 778,47 ha, tăng 24,07 ha từ đất nông nghiệp để thực hiện quỹ đất thương mại dịch vụ trong các khu dân cư dự án thực hiện trong năm theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** diện tích 180,55 ha, giảm 3,0 ha so với hiện trạng để chuyển qua đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở hạ tầng, đất ở...

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** có diện tích 2,74 ha giảm 0,62 ha so với hiện trạng để chuyển qua đất cơ sở hạ tầng.

- **Đất phát triển hạ tầng:** diện tích là 3.341,59 ha tăng 763,12 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng chủ yếu để thực hiện các công trình, dự án như: giao thông, thủy lợi, công trình năng lượng, giáo dục,

Trong đó:

+ **Đất giao thông:** có diện tích 2.578,33 ha, tăng 592,29 ha diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp chuyển qua.

+ **Đất thủy lợi:** diện tích là 164,13 ha, tăng 4,36 ha so với hiện trạng để thực hiện 2 công trình, diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** diện tích là 47,20 ha, tăng 4,49 ha so với hiện trạng.

+ **Đất cơ sở y tế:** có diện tích 16,97 ha, tăng 4,99 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** diện tích 297,09 ha, tăng 153,22 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp.

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:** diện tích là 3128,69 ha, ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất công trình năng lượng:** diện tích 80,23 ha, tăng 4,99 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng chủ yếu từ đất nông nghiệp.

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** có diện tích là 2,32 ha, không tăng so với hiện trạng.

+ **Đất có di tích lịch sử văn hóa:** diện tích 7,65 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** diện tích 0,45 ha, tăng 0,33 ha so với hiện trạng.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** năm 2024, đất cơ sở tôn giáo có diện tích 34,13 ha, trên cơ sở đó sẽ thực hiện các thủ tục giao đất đối với các cơ sở tôn giáo đã đăng ký theo kế hoạch.

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** diện tích là 77,25 ha giảm 2,51 ha so với hiện trạng.

+ **Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ:** diện tích là 0,01 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

+ **Đất chợ:** diện tích 6,09 ha, tăng 0,04 ha so với hiện trạng.

+ **Đất công trình công cộng khác:** diện tích 1,04 ha tăng 0,93 ha so với hiện trạng.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** có diện tích là 3,87 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** diện tích 311,49 ha, tăng 0,49 ha được chuyển từ đất nông nghiệp sang.

- **Đất ở tại nông thôn:** có diện tích 1.988,05 ha, tăng 143,67 ha, diện tích tăng chủ yếu chuyển từ đất nông nghiệp qua.

- **Đất ở tại đô thị:** diện tích 240,10 ha, tăng 8,20 ha so với hiện trạng.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** có diện tích là 14,40 ha, ổn định so với hiện trạng.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** diện tích 27,32 ha, tăng 0,07 ha so với hiện trạng.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích 16,39 ha, giảm 0,03 ha so với hiện trạng.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** diện tích 5.676,02 ha, giảm 8767,97 ha so với hiện trạng.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích 47,32 ha, ổn định so với hiện trạng.

5. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

5.1. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng

Bảng 06: Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã loại đất	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.193,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	419,67
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>407,98</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	306,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	416,35
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,97
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	43,01
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

(Chi tiết chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 04/CH)

5.2. Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hồ sơ địa chính

Bảng 07: Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hồ sơ địa chính

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.282,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	573,81
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>525,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	218,57

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	437,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,97
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	37,61
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

(Chi tiết Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hồ sơ địa chính theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 4B/CH)

6. Chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất năm 2024

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất, các Nghị quyết thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và tiến độ thực hiện các dự án trong năm 2024, kế hoạch thu hồi đất năm 2024 như sau:

Bảng 08: Chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất theo từng loại đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	860,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	235,60
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>224,52</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	255,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	324,10
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,97
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	37,92
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	98,74
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,00
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,62
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	27,45
	- Đất giao thông	DGT	12,35
	- Đất thủy lợi	DTL	11,79
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	0,41
	- Đất cơ sở y tế	DYT	0,01
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,24

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	0,20
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,45
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	26,14
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,59
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	40,92

(Chi tiết chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất năm 2024 theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 05/CH)

(Chi tiết các dự án thu hồi đất năm 2024 đính kèm tại Biểu 5B/CH)

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

7.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 sửa đổi điều 16 nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 04/VBHN-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ - UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện;

7.2. Dự kiến khoản thu chi

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó tổng thu từ đất khoảng 6.733,50 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 5.622,34 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu.

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là: 1.111,16 tỷ đồng.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch.

VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất

canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư, dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật Trồng trọt; Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đối với dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyên về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng

trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị trấn, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

- Bố trí nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư; kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp, đầu tư theo phương thức hợp tác, liên doanh. Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng Nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, nhất là các dự án ngành công nghiệp ưu tiên, du lịch, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý chất thải cho công nghiệp, bảo vệ môi trường khu công nghiệp; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án công nghiệp, du lịch, xây dựng các khu đô thị; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ và môi trường. Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch, đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024, UBND huyện Nhơn Trạch sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban, UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tổ chức công bố công khai, kịp thời nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công khai các dự án được điều chỉnh, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất trên các phương tiện thông tin truyền thông và tại địa bàn các dự án thuộc danh mục kế hoạch sử dụng đất để người dân biết và theo dõi.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3.1.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án trong kế hoạch, trong đó ưu tiên công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2024.

3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.

- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyên mục đích được duyệt.

3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4. Giải pháp khác

4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, thông tin về đất đai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Nhơn Trạch như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

VIII. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Đồng thời thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 11926/UBND-KTN ngày 08/11/2023 về việc khẩn trương lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trình thẩm định theo quy định.

Theo đó, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với tổng số dự án là 66 dự án/1.701,24 ha bao gồm 52 dự án chuyển tiếp và 14 dự án bổ sung mới.

Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC BIỂU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Biểu	Tên biểu
Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch
Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch
Biểu 02b/CH	Kết quả thực hiện các dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Nhơn Trạch
Biểu 03/CH	Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 03b/CH	Danh mục các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 04/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch
Biểu 04b/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Nhơn Trạch
Biểu 04c/CH	Danh mục các dự án, công trình sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 04d/CH	Danh sách các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch
Biểu 05/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 05b/CH	Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 06/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch
Biểu 07/CH	Danh mục các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023, nay không tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phú Đông	Phú Hội	Phú Hữu	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		37.677,89	1.658,55	1.874,97	3.570,36	2.381,62	2.211,98	1.906,72	2.173,70	11.364,99	3.756,69	1.702,01	1.750,54	3.325,76
1	Đất nông nghiệp	NNP	22.401,33	352,64	463,33	2.283,60	1.011,35	1.550,30	1.066,83	1.272,10	7.441,92	2.515,72	931,67	692,16	2.819,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.431,06	107,09	183,88	931,73	18,99	440,12	140,64	374,69	106,33	109,45	564,75	16,07	437,32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.256,19	106,04	183,88	931,73	18,99	317,66	139,53	348,89	82,70	109,13	564,75	15,62	437,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.097,84	87,33	52,00	368,22	215,48	800,74	181,27	567,44	464,85	1.254,74	197,42	194,04	714,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.876,94	113,23	226,39	815,14	476,08	292,36	721,56	278,26	1.846,07	1.127,67	143,22	431,82	1.405,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.170,98	-	-	-	139,99	-	-	-	4.030,99	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.820,31	44,98	0,21	168,51	157,91	16,88	23,35	51,71	993,67	23,85	26,29	50,21	262,73
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	-	0,84	-	2,91	0,20	-	-	-	-	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15.276,56	1.305,92	1.411,65	1.286,77	1.370,27	661,68	839,88	901,60	3.923,07	1.240,97	770,33	1.058,38	506,04
2.1	Đất quốc phòng	CQP	590,50	6,87	18,29	-	-	39,10	0,88	5,28	72,04	1,00	-	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	-	-	-	-	-	3,59	-	1,00	1,92	1,94	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.829,87	-	977,61	82,23	634,91	-	488,10	-	36,99	324,15	285,88	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	72,07	15,37
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	754,40	163,20	0,48	49,41	1,79	0,55	3,05	2,09	490,23	5,96	0,42	31,66	5,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	183,55	-	0,60	6,57	-	45,99	2,29	23,96	1,51	84,71	14,90	2,90	0,12
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,36	-	-	-	0,42	-	0,62	-	2,32	-	-	-	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.578,46	196,98	161,48	330,02	263,48	63,02	165,40	49,53	603,03	151,33	149,13	211,17	233,90
	<i>Trong đó:</i>														
	- Đất giao thông	DGT	1.986,05	176,45	135,37	245,59	192,72	46,53	136,15	27,45	480,09	87,93	127,01	166,81	163,93
	- Đất thủy lợi	DTL	159,77	0,65	5,51	9,75	12,11	0,92	6,64	15,19	32,03	37,19	8,56	4,93	26,30
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	42,71	0,27	1,16	27,51	2,37	0,62	1,14	0,96	6,88	0,39	1,00	0,42	-

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phú Đông	Phú Hội	Phú Hữu	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
	- Đất cơ sở y tế	DYT	11,98	5,24	0,34	0,70	0,10	0,22	1,16	0,09	3,72	0,10	0,14	0,05	0,13
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	143,87	10,17	7,07	33,67	23,59	3,87	10,57	2,49	13,23	3,66	6,24	23,37	5,93
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,69	-	-	8,05	-	1,22	0,18	-	9,39	-	1,66	8,19	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	75,24	0,26	3,68	0,58	0,02	0,07	0,82	-	43,05	17,32	0,15	3,72	5,55
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	0,06	-	0,01	0,43	0,11	0,46	0,01	1,08	0,03	0,10	0,03	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	-	-	-	5,99	1,66	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	-	-	-	-	-	0,08	-	-	0,04	-	-	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	2,00	1,49	2,20	1,64	4,99	3,06	0,28	0,94	0,79	0,91	0,67	15,15
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	79,76	1,64	6,30	1,96	23,96	2,63	5,00	2,86	9,88	3,75	3,21	2,84	15,72
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-
	- Đất chợ	DCH	6,05	0,23	0,55	-	0,44	0,17	0,13	0,19	2,73	0,14	0,15	0,13	1,18
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	0,11				0,11	-							-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,87	0,09	0,12	0,18	2,19	0,13	0,14	0,16	0,25	0,04	0,30	0,06	0,19
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	311,00	154,91	5,38	74,57	3,98	-	7,98	-	0,11	0,88	1,76	58,40	3,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.844,38	249,39	-	235,75	244,50	80,27	117,83	69,27	259,22	76,16	175,71	190,84	145,44
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	231,90	-	231,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	0,22	0,22	1,53	0,29	0,69	5,35	0,44	3,76	0,26	0,84	0,31	0,51
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	27,25	6,27	0,68	1,24	15,17	-	2,20	-	1,28	-	0,10	0,30	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,42	0,31	2,41	1,00	2,34	0,74	1,72	0,77	3,10	0,40	1,85	1,15	0,64
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.743,99	494,15	12,49	504,26	201,20	431,20	40,72	750,09	2.437,20	591,41	137,51	50,13	93,62
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	33,53	-	-	-	-			11,04	2,75	-	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.536,76	22.401,33	864,57	104,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.825,34	3.431,06	605,72	121,44
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.661,27</i>	<i>3.256,19</i>	<i>594,92</i>	<i>122,35</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.955,14	5.097,48	142,35	102,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.577,74	7.877,30	299,56	103,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.265,76	4.170,98	-94,79	97,78
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.908,58	1.820,31	-88,27	95,38
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	4,20	-	100
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.141,12	15.276,56	-864,56	94,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	594,81	590,50	-4,31	99,28
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	8,46	0,00	100
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.009,88	2.829,87	-180,01	94,02
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	87,44	0,00	100
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	359,08	754,40	395,32	210,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	182,22	183,55	1,33	100,73
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,74	3,36	0,62	122,68
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.431,80	2.578,46	-853,34	75,13
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đất giao thông	DGT	2.586,92	1.986,05	-600,87	76,77
	- Đất thủy lợi	DTL	166,55	159,77	-6,78	95,93
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	64,71	42,71	-22,00	66
	- Đất cơ sở y tế	DYT	21,92	11,98	-9,94	54,67
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	311,26	143,87	-167,39	46,22
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	30,64	28,69	-1,95	93,65
	- Đất công trình năng lượng	DNL	84,87	75,24	-9,63	88,65
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	2,32	0,00	100,2
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	7,65	0,00	100,03
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	0,12	0,00	98,65
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	34,13	0,00	100
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,06	79,76	2,70	103,5
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	0,01	0,00	98,53
	- Đất chợ	DCH	6,08	6,05	-0,03	99,5
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	37,57	0,11	-37,46	0,29
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,76	3,87	0,11	102,88
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	314,19	311,00	-3,19	98,98
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.103,92	1.844,38	-259,55	87,66
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	233,27	231,90	-1,37	99,41
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	14,40	0,00	100
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	37,12	27,25	-9,87	73,4
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,39	16,42	0,02	100,14
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.694,32	5.743,99	49,67	100,87

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	47,32	0,00	100
3	Đất chưa sử dụng	CSD			-	-

Biểu 02B/CH

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Dự án quá 03 năm	Tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2023
I	Dự án đã có Quyết định thu hồi						
1	Đường 25C (bao gồm cả đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến đường Liên cảng)	DGT	149,70	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Khánh	2018	x	25C đoạn từ HL19 Long Thọ đến Đường số 2: Đã hoàn thành công tác bồi thường, xây dựng đưa và sử dụng. - 25C đoạn Đường số 2 đến HL 19 Vĩnh Thanh: UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5209/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 (đợt 1), Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 (đợt 2), Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3) tổng số 454 trường hợp (có 05 tổ chức) với diện tích 63,7ha. Đến nay, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã chi trả tiền được 395/454 trường hợp (có 04 đất công và 01 tổ chức) diện tích 53,5ha; còn lại 59 hộ chưa nhận tiền với diện tích 10,2 ha. - 25C đoạn HL 19 Vĩnh Thanh đến đường Liên cảng: Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
2	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	ONT	17,29	Phú Hội	2015	x	Đã hoàn thành công tác thu hồi, bồi thường. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
3	Trạm biến áp 220 KV An Phước	DNL	0,28	Hiệp Phước	2017	x	Dự án đã được UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất từ số 720-723/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 719/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 diện tích 0.277ha với 03 hộ. Đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao chủ đầu tư.
4	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	DGD	0,65	Phú Hội	2015	x	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014
5	Mở rộng trường THCS Phú Hội	DGD	0,70	Phú Hội	2018bs	x	Thông báo THĐ số 180-186/TB-UBND huyện ngày 17/4/2019 Hiện dự án đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án
6	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	DGT	54,00	Phước Thiện	2017	x	Hiện trạng, đưa vào KH để giao đất
7	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	DNL	0,12	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	2018	x	Đã được UBND tỉnh giao đất theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/01/2011. Kiến nghị hủy Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
II	Dự án đã có thông báo thu hồi đất						
8	Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (bổ sung phục vụ thi công cải tạo kênh N14 và tuyến kênh Bầu Bông - Mương Dừa)	DGT	5,06	Phước Khánh, Phước An	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 624-627/TB-UBND ngày 19/9/2022 đối với 04 hộ. Đã phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm phát triển đất đang phương án bồi thường
9	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ khu trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang) (đường 25B)	DGT	29,00	Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 1725-1844/TB-UBND ngày 3/8/2023 đối với 120 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Dự án quá 03 năm	Tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2023
10	Đường Lê Hồng Phong nối dài	DGT	5,3	Phước An, Long Thọ	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất số 565 đến 599/TB-UBND ngày 31/8/2022 đối với 32 hộ. Đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất theo quy định.
11	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	DGT	1,12	Phước Thiện	2022		Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 393-467; 470-560 ngày 30/8/2022 đối với 166 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất
12	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	DGT	20,68	Vĩnh Thanh, Phước An	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 417-631/TB-UBND ngày 7/4/2023 đối với 215 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang kiểm kê hiện trạng lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
13	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	DTL	16,42	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	2022BS		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 147-396/TB-UBND ngày 28/3/2023 đối với 250 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
14	Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm)	DGD	1,2	Phước An	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 373-378/TB-UBND ngày 10/8/2022 đối với 6 hộ. Hiện trung tâm phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường theo quy định.
15	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	DNL	0,14	Hiệp Phước	2021	x	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 135 đến 140/TB-UBND ngày 28/3/2022. Đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập phương án bồi thường theo quy định.
16	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	DTS	0,07	Phước Khánh	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất 206, 207/TB-UBND ngày 05/5/2022. Đối với 02 hộ, hiện trung tâm phát triển đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất.
17	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	DGT	2,69	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2017	x	Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 393-467; 470-560 ngày 30/8/2022 đối với 166 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
18	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	DGT	49,40	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017	x	Dự án được UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất số 1812/TB-UBND ngày 3/3/2017. - UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 2743-2822/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 2742/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 (đợt 1) 149 hộ diện tích 23,5ha, còn lại 25,8 ha đang thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường.
	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4)	DGT	77,14	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh			'UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 683-1560 ngày 13/5/2023 đối với 878 hộ dân. Đã kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất
19	Đường vào khu dân cư Sen Việt	DGT	1,47	Phú Hữu	2017	x	Thông báo từ số 90/TB-UBND đến số 128/TB-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện. UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt giá đất số 4717/QĐ-UBND ngày 12/12/2023, hiện Trung tâm Phát triển Quỹ đất đang lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
III	Các dự án đang thực hiện các thủ tục thu hồi đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất						
20	Khu công nghiệp Ông Kèo	SKK	531,70	Phước Khánh	2015	x	Dự án còn 206,7ha Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường. Phần diện tích còn lại đã hoàn thành công tác bồi thường và chủ đầu tư đã thỏa thuận để lập thủ tục thuê đất theo quy định.
21	Đường Liên cảng (GD1)	DGT	51,2	Phú Hữu, Phú Đông	2023		Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KHSDĐ	Dự án quá 03 năm	Tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2023
22	Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1	DGT	0,78	Phước Thiện	2023		- Quyết định 3392/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư - Quyết định số 780/QĐ - UBND ngày 09/03/2021 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện đối với dự án Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch. Dự án đã hoàn thành công tác đo vẽ lập bản đồ thu hồi đất, cung cấp thông tin địa chính. Ban quản lý dự án đang lập hồ sơ thu hồi đất
23	Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	DGT	8,51	Phước An	2022BS		Chủ đầu tư đang lập bản đồ địa chính khu đất và lập thủ tục đầu tư theo quy định.
24	Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ	DGD	147,0	Phước Thiện	2022		Dự án tự thỏa thuận theo Điều 73 Luật đất đai 2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục xin thỏa thuận theo quy định
25	Trường THPT Phước Thiện	DGD	1,7	Phước Thiện	2023		Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng tỉnh đang lập thủ tục đầu tư dự án theo quy định
26	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đấu nối	DNL	3,6	Phú Hội	2021	x	Hiện chủ đầu tư đang lập bản đồ địa chính khu đất, lập thủ tục hồ sơ dự án vào hồ sơ quy hoạch sử dụng đất để làm cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất.
27	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	DNL	0,85	Phước Khánh	2021	x	Quyết định số 1497/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 500kV NMD Nhơn Trạch 4 - rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình số 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
28	DZ 220kV đấu nối NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500kV Long Thành	DNL	4,00	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	2021	x	Quyết định số 1495/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 220KV NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500 KV Long Thành. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
29	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	DYT	5,00	Phước An	2022BS		Dự án đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
30	Dự án nhà ở xã hội (VT1)	ONT	4,2	Long Thọ	2022		Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 253/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định
31	Dự án nhà ở xã hội (VT2)	ONT	4,05	Phước An	2022		Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 252/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định
32	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (1)	ONT	49,81	Đại Phước	2022		UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 03/8/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định
33	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (2)	ONT	75,47	Đại Phước	2022		UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22/5/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KHSDĐ	Dự án quá 03 năm	Tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2023
34	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	DGT	87,60	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	2017	x	Ngày 20/4/2023 Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh có VB số 260/BQLDACTGT-QLDA3 triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án. - Ban QLDA đang triển khai công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án, Ban QLDA sẽ bàn giao cho UBND huyện hồ sơ thiết kế, ranh GPMB, tìm mốc ngoài thực địa làm cơ sở cho đơn vị đo vẽ lập bản đồ THĐ và bồi thường giải phóng mặt bằng.
35	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	DGT	10,00	Long Thọ	2020	x	Theo văn bản số 1192/BQLDACTGT-TCKH ngày 20/12/2023 của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông tỉnh, dự án đang thực hiện lập hồ sơ và triển khai công tác bồi thường, kế hoạch giao vốn trong năm 2024 là 30 tỷ đồng.
IV	Công trình hiện trạng, chưa hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất						
36	Mở rộng THCS Hiệp Phước	DGD	0,41	Hiệp Phước	2022		Dự án không thực hiện công tác bồi thường, đã hoàn thành xây dựng hạ tầng, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất
37	Dự án Nghĩa trang Long Thọ	NTD	8,841	Long Thọ	2022		Đã hoàn thành công tác bồi thường, được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2720/UBND-TN ngày 13/4/2021 của UBND huyện - Giao đất đợt 1 với diện tích 11,6ha tại Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 17/4/2017, còn lại 9,1ha công ty đang xin giao đất
38	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	ONT	9,53	Phước Thiện	2021	x	Quyết định số 1283/QĐ.CT.UBT ngày 26/4/2004 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm. - Văn bản số 1821/UBND-CNN ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư. Tổng diện tích dự án 52,93 ha Dự án được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 (đợt 1) với diện tích 268.208,8m ² và giao đất tại Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 với diện tích 165.822,2m ² (đợt 2). Phần diện tích còn lại khoảng 9,53ha đã được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2920/UBND-TN ngày 19/4/2021 của UBND huyện.
39	Khu đất tại Phú Đông do K862/Quân chủng Hải quân bàn giao địa phương theo QĐ 3964/QĐ-UBND ngày 26/10/2020.	ONT	0,07	Phú Đông	2022		Hộ dân đang lập thủ tục giao đất
40	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	DGT	160,99	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	2015	x	Đã hoàn thành công tác bồi thường, bổ sung kế hoạch để lập thủ tục giao đất
41	Trường THCS Long Thọ 2	DGD	1,09	Long Thọ	2017	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
42	Trường Tiểu học Long Thọ 2	DGD	1,07	Long Thọ	2017	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
43	Khu tái định cư Phước An	ONT	40,00	Phước An	2016	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
44	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	DGT	0,32	Hiệp Phước	2017	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
45	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	DGT	2,28	Phước Thiện	2017	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
46	Trường Mầm non Phú Đông	DGD	0,43	Phú Đông	2015	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
47	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	DGD	0,72	Phú Thạnh	2017	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Năm đăng ký KHSDĐ	Dự án quá 03 năm	Tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2023
48	Trường mầm non Long Thọ	DGD	0,90	Long Thọ	2016	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
49	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	DGD	0,16	Phước Khánh	2016	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
50	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	DGD	0,04	Phước Khánh	2016	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
51	Trường mầm non Phước Long	DGD	0,05	Long Thọ	2023BS		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
52	Mở rộng trường Tiểu học Phú Đông	DGD	0,45	Phú Đông	2020	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
53	Trường MN Đại Phước	DGD	0,58	Đại Phước	2020	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
54	Trường TH Phước Khánh	DGD	0,98	Phước Khánh	2020	x	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
55	Trường MN Phước Long	DGD	0,12	Long Thọ	2023BS		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
56	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	DNL	1,30	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017	x	Công trình hoàn thành và thực hiện đóng điện vào ngày 24/10/2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất
V	Các dự án chưa thực hiện						
57	Trụ sở làm việc BCHQS huyện Nhơn Trạch	CQP	5,00	Phước An	2022BS		Chưa thực hiện, không có bố trí vốn 2024.
58	Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	DGT	4,50	Phú Thạnh	2021	x	Quyết định số 2480/QĐ-UBND 08/8/2019 của UBND tỉnh về việc duyệt chủ trương đầu tư dự án, tiến độ thực hiện 2021-2022, Hiện chưa lập hồ sơ bồi thường dự án. Dự án quá 03 năm chưa hoàn thành công tác bồi thường, hết tiến độ thực hiện dự án.
59	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	DNL	0,13	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2021	x	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai đăng ký KH 2024 diện tích 0,075 ha. Vị trí cung cấp chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.
60	Khu dân cư theo QH (An Gia)	ONT	4,52	Phú Hữu	2021	x	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 chấp thuận chủ trương đầu tư sau ngày 01/7/2014. Hết tiến độ thực hiện 2022 nhưng chưa được UBND tỉnh giao đất. Dự án bị hủy tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.
61	Khu dân cư Điền Phước	ONT	95,20	Long Tân	2021	x	Quyết định chủ trương đầu tư số 3184/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai sau ngày 01/7/2014 chưa lập thủ tục bồi thường, chưa được UBND tỉnh giao đất.
62	Khu dân cư tổng hợp - kết hợp TMDV phát triển theo QH (BĐS Phú Mỹ An)	ONT	16,14	Phú Hội	2021	x	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 chấp thuận chủ trương đầu tư sau ngày 01/7/2014. Hết tiến độ thực hiện 2022 nhưng chưa thực hiện.
63	Khu dân cư Phú Hữu (Phú Thịnh Land)	ONT	201,45	Phú Hữu	2021	x	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 và 2083/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư tại xã Phú Hữu. Tiến độ thực hiện bồi thường 2018-2021. Dự án sau ngày 01/7/2014 chưa thực hiện bồi thường, có một phần diện tích thuộc đất dự trữ sau 2035.
64	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	DGT	0,03	Phú Thạnh	2017	x	Dự án không phù hợp quy hoạch xây dựng.

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
I	DTTN		37.677,89	1.658,55	1.874,97	3.570,36	2.381,62	11.364,99	3.756,69	1.702,01	2.211,98	2.173,70	1.906,72	1.750,54	3.325,76
1	Đất nông nghiệp	NNP	21.207,82	198,43	441,12	2.201,80	997,39	7.282,51	2.155,41	806,92	1.544,86	1.237,83	1.044,65	597,93	2.698,98
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.011,29	28,38	179,32	905,63	10,93	75,44	31,79	457,98	439,34	352,37	140,64	11,94	377,53
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.848,11</i>	<i>28,10</i>	<i>179,32</i>	<i>905,63</i>	<i>10,93</i>	<i>61,65</i>	<i>31,77</i>	<i>457,98</i>	<i>317,66</i>	<i>326,57</i>	<i>139,53</i>	<i>11,49</i>	<i>377,49</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.791,33	83,86	49,52	359,58	214,92	443,89	1.044,49	190,45	799,31	564,60	173,01	177,70	690,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.460,69	47,65	211,24	772,25	470,74	1.766,40	1.060,51	133,48	289,13	270,41	707,64	359,30	1.371,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.163,01	-	-	-	139,99	4.023,02	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.777,30	38,53	0,19	164,34	157,91	973,75	18,61	25,02	16,88	50,45	23,35	48,97	259,29
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	-	0,84	-	2,91	-	-	-	0,20	-	-	0,02	0,23
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	16.470,07	1.460,13	1.433,86	1.368,57	1.384,23	4.082,48	1.601,28	895,08	667,12	935,87	862,06	1.152,61	626,78
2.1	Đất quốc phòng	CQP	590,50	6,87	18,29	-	-	72,04	1,00	-	39,10	5,28	0,88	439,38	7,66
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	-	-	-	-	1,00	1,92	1,94	-	-	3,59	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.155,37	-	977,61	82,23	634,91	36,99	649,65	285,88	-	-	488,10	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	72,07	15,37
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	778,47	187,03	0,48	49,47	1,79	490,23	5,96	0,42	0,55	2,09	3,23	31,66	5,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	180,55	-	0,60	6,57	-	1,51	83,04	14,90	45,99	23,96	1,08	2,90	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,74	-	-	-	0,42	2,32	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.341,59	229,11	177,23	416,97	279,16	734,61	201,66	286,16	68,72	87,54	178,99	316,89	364,55
	Trong đó:														
	- Đất giao thông	DGT	2.578,33	208,90	145,36	316,60	202,67	606,28	137,49	130,72	52,23	67,15	142,94	273,43	294,55
	- Đất thủy lợi	DTL	164,13	0,65	9,78	9,65	15,35	32,03	36,01	8,43	0,92	14,56	6,61	4,28	25,87
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	47,20	0,27	1,16	27,51	2,37	6,88	0,39	1,00	0,62	0,96	5,55	0,01	0,49

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
	- Đất cơ sở y tế	DYT	16,97	5,24	0,34	0,70	0,10	8,72	0,10	0,14	0,22	0,09	1,16	0,04	0,13
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	297,09	10,17	7,48	49,01	25,75	13,44	3,66	139,79	3,87	2,49	12,15	23,34	5,93
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,69	-	-	8,05	-	9,39	-	1,66	1,22	-	0,18	8,19	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	80,23	0,06	4,76	1,24	0,02	43,65	19,37	0,15	0,07	-	0,82	3,92	6,15
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	0,06	-	0,01	0,43	1,08	0,03	0,10	0,11	0,01	0,46	0,03	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	-	-	-	5,99	-	-	-	1,66	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,45	-	-	-	0,33	-	0,04	-	-	-	0,08	-	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	2,00	1,49	2,20	1,64	0,94	0,79	0,91	4,99	0,28	3,06	0,67	15,15
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	77,25	1,52	6,30	1,96	23,96	9,46	3,65	3,12	2,63	1,80	4,91	2,84	15,09
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-
	- Đất chợ	DCH	6,09	0,23	0,55	0,04	0,44	2,73	0,14	0,15	0,17	0,19	0,13	0,13	1,18
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	1,04	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-	0,93	-	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,87	0,09	0,12	0,18	2,19	0,25	0,04	0,30	0,13	0,16	0,14	0,06	0,19
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	311,49	154,91	5,38	74,86	3,98	0,11	0,88	1,76	-	-	8,18	58,40	3,04
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.988,05	352,90	-	236,88	244,45	298,14	75,64	184,10	80,01	69,09	127,87	179,63	139,34
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	240,10	-	240,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	0,22	0,22	1,53	0,29	3,76	0,26	0,84	0,69	0,44	5,35	0,31	0,51
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	27,32	6,27	0,68	1,24	15,17	1,28	0,07	0,10	-	-	2,20	0,30	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,39	0,31	2,40	1,00	2,34	3,10	0,40	1,85	0,74	0,77	1,72	1,15	0,62
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.676,02	488,89	10,75	497,63	199,53	2.426,11	578,01	116,84	431,20	746,53	40,72	49,85	89,95
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	33,53	-	-	-	11,04	2,75	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
I	Công trình chuyển tiếp năm 2023								
1	Khu công nghiệp Ông Kèo	531,70		531,70	LUC, HNK, CLN, DGT, SON,	Phước Khánh	Tờ 49, 57, 62, 70, 72.... Thửa 81, 137, 74, 56,	2015	Dự án còn 206,7ha Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường. Phần diện tích còn lại đã hoàn thành công tác bồi thường và chủ đầu tư đã thỏa thuận để lập thủ tục thuê đất theo quy định.
2	Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (bổ sung phục vụ thi công cải tạo kênh N14 và tuyến kênh Bàu Bông - Mương Dừa)	5,06		5,06	LUC, HNK, CLN, DGT, SON,	Phước Khánh, Phước An	Tờ 48 thửa 293, 295, 296, 87, 88 xã Phước Khánh; tờ 106, 35 thửa 297, 299, 298, 326... xã Phước An	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 624-627/TB-UBND ngày 19/9/2022 đối với 04 hộ. Đã phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm phát triển đất đang phương án bồi thường
3	Đường Liên cảng (GD1)	51,2		51,2	LUC, HNK, CLN, DGT, SON,	Phú Hữu, Phú Đông	Tờ 30 thửa 51, 25, 304, 17, 55, 53, 386..., tờ 29 thửa 177, 55, 28, 236... tờ 34 thửa 82, 83, 354, 110.	2023	Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án
4	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ khu trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang) (đường 25B)	29,00		29,00	HNK, CLN, ONT	Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh	Tờ 58 thửa 123, 126, 125, tờ 59 thửa 11, 13, 15, 278, 17.....	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 1725-1844/TB-UBND ngày 3/8/2023 đối với 120 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
5	Đường Lê Hồng Phong nối dài	5,3		5,3	HNK, CLN, ONT	Phước An, Long Thọ	Tờ 22 thửa 14, 35.... xã Phước An tờ 54 thửa 4... xã Long Thọ	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất số 565 đến 599/TB-UBND ngày 31/8/2022 đối với 32 hộ. Đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất theo quy định.
6	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	1,12		1,12	CLN, HNK, ONT, RST	Phước Thiện	Tờ 30 thửa 338, 333, 335, 105, 238	2022	Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 393-467; 470-560 ngày 30/8/2022 đối với 166 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất
7	Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1	0,78		0,78	HNK, CLN, ONT,	Phước Thiện	Tờ 32 thửa 2, 33, 36, 37, 40....	2023	- Quyết định 3392/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư - Quyết định số 780/QĐ - UBND ngày 09/03/2021 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện đối với dự án Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch. Dự án đã hoàn thành công tác đo vẽ lập bản đồ thu hồi đất, cung cấp thông tin địa chính. Ban quản lý dự án đang lập hồ sơ thu hồi đất
8	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	20,68		20,68	HNK, CLN, ONT+CLN	Vĩnh Thanh, Phước An	Tờ 24 thửa 69, 33, 408, 72, 74..... Xã Phước An, tờ 24 thửa 227, 238, 250, tờ 47 thửa 7, 51.... Xã Vĩnh Thanh	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 417-631/TB-UBND ngày 7/4/2023 đối với 215 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang kiểm kê hiện trạng lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
9	Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	8,51		8,51		Phước An	Tờ 119 thửa 108, 105....	2022BS	Chủ đầu tư đang lập bản đồ địa chính khu đất và lập thủ tục đầu tư theo quy định.

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
10	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	16,42		16,42	LUC, HNK, CLN	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	Tờ 5 thửa 7, 152, 153, 154, 157, 222, 50 tờ 1 thửa 1, 2, 13 ... xã Long Thọ, tờ 7 thửa 47, 46, 75, 34, 15, 36.... TT Hiệp Phước	2022BS	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 147-396/TB-UBND ngày 28/3/2023 đối với 250 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
11	Mở rộng THCS Hiệp Phước	0,41	0,41	-	DGD	Hiệp Phước	Tờ 18 thửa 104	2022	Dự án không thực hiện công tác bồi thường, đã hoàn thành xây dựng hạ tầng, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất
12	Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm)	1,2	1,2	-		Phước An	Tờ 79 thửa 92	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 373-378/TB-UBND ngày 10/8/2022 đối với 6 hộ. Hiện trung tâm phát triển quy đất đang lập thủ tục bồi thường theo quy định.
13	Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ	147,0			LUC, ONT+CLN, CLN	Phước Thiện	Tờ 3 thửa 64, 377, 30, tờ 2 thửa 167, 152, 124, 138	2022	Dự án tự thỏa thuận theo Điều 73 Luật đất đai 2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục xin thỏa thuận theo quy định
14	Trường THPT Phước Thiện	1,7			RST, CLN, HNK	Phước Thiện	Tờ 30 thửa 238, 254, 253, 250, 268, 25	2023	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng tỉnh đang lập thủ tục đầu tư dự án theo quy định
15	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	0,14			LUC	Hiệp Phước	Tờ 2 thửa 33, 50, tờ 3 thửa 1	2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 135 đến 140/TB-UBND ngày 28/3/2022. Đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập phương án bồi thường theo quy định.
16	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	0,85			LUC, SON, CLN, HNK	Phước Khánh	Tờ 71 thửa 71, 12, 13, tờ 67 thửa 216, 149, 293, 228, tờ 66 thửa 91, 179, 176, 57, 198....	2021	Quyết định số 1497/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 500kV NMD Nhơn Trạch 4 - rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình số 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
17	DZ 220kV đấu nối NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	4,00			LUC, SON, CLN, HNK	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	Tờ 71 thửa 72, 32, 12, tờ 67 thửa 235, 150, 149, tờ 66 thửa 92, 118, 117....	2021	Quyết định số 1495/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 220KV NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500 KV Long Thành. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
18	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	5,00				Phước An	Tờ 22 thửa 30	2022BS	Dự án đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
19	Dự án Nghia trang Long Thọ	8,841			HNK, CLN	Long Thọ	Tờ 14 thửa 199, tờ 13 thửa 29, 40, 52, tờ 21 thửa 20, 22...	2022	Đã hoàn thành công tác bồi thường, được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2720/UBND-TN ngày 13/4/2021 của UBND huyện - Giao đất đợt 1 với diện tích 11,6ha tại Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 17/4/2017, còn lại 9,1ha công ty đang xin giao đất
20	Dự án nhà ở xã hội (VT1)	4,2			DTT, HNK	Long Thọ	Tờ 98 thửa 10, 11, 12, 3, 4, 5,	2022	Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 253/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
21	Dự án nhà ở xã hội (VT2)	4,05			CLN, HNK	Phước An	Tờ 45 thửa 137, 138; tờ 44 thửa 4, 5, 3	2022	Ngày 14/12/2022 UBND huyện có Tờ trình số 252/TTr-UBND kiến nghị UBND tỉnh, Sở KHĐT chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. UBND huyện đang lập thủ tục đề cấp chứng nhận đầu tư theo quy định
22	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (1)	49,81	49,81		LUC, CLN, HNK, ONT+CLN	Đại Phước	Tờ 10 thửa 156, 104, tờ 14 thửa 30, 46, 121, 50....	2022	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 03/8/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định
23	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (2)	75,47	75,47		LUC, CLN, HNK, ONT+CLN	Đại Phước	Tờ 7 thửa 181, 177, tờ 5 thửa 30, 28, 25, tờ 8 thửa 29, 26, 110....	2022	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22/5/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định
24	Khu dân cư theo Quy hoạch tại xã Phước Thiện (Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Sài Gòn)	9,53	9,53		ONT,	Phước Thiện	Tờ 8 thửa 187, 180, 73, 112, 117	2021	Quyết định số 1283/QĐ.CT.UBT ngày 26/4/2004 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm. - Văn bản số 1821/UBND-CNN ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư. Tổng diện tích dự án 52,93 ha Dự án được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 (đợt 1) với diện tích 268.208,8m ² và giao đất tại Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 30/12//2010 với diện tích 165.822,2m ² (đợt 2). Phần diện tích còn lại khoảng 9,53ha đã được xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 2920/UBND-TN ngày 19/4/2021 của UBND huyện.
25	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	0,07			LUC, CLN	Phước Khánh	Tờ 22 thửa 149, 112	2022	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất 206, 207/TB-UBND ngày 05/5/2022. Đối với 02 hộ, hiện trung tâm phát triển đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất.
26	Khu đất tại Phú Đông do K862/Quân chủng Hải quân bàn giao địa phương theo QĐ 3964/QĐ-UBND ngày 26/10/2020.	0,07	0,07		ONT+CLN	Phú Đông	Tờ 9 thửa 409, 413	2022	Hộ dân đang lập thủ tục giao đất
27	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	160,99				Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh		2015	Đã hoàn thành công tác bồi thường, bổ sung kế hoạch để lập thủ tục giao đất
28	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	87,60			HNK, CLN, ONT+HNK, LUC	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	Tờ 37 thửa 101, 99, 120, 141, tờ 36 thửa 115, tờ 35 thửa 124... tờ 38 thửa 41	2017	Ngày 20/4/2023 Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh có VB số 260/BQLDACTGT-QLDA3 triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án. - Ban QLDA đang triển khai công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án, Ban QLDA sẽ bàn giao cho UBND huyện hồ sơ thiết kế, ranh GPMB, tìm mốc ngoài thực địa làm cơ sở cho đơn vị đo vẽ lập bản đồ THĐ và bồi thường giải phóng mặt bằng.
29	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	2,69			HNK, CLN	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	Tờ 61 thửa 9, 22, 29, 191....	2017	Dự án được UBND huyện ban hành Thông báo THĐ số 393-467; 470-560 ngày 30/8/2022 đối với 166 hộ dân. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
30	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	49,40			LUC, HNK, CLN, ONT+	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	Tờ 7 thửa 103, 104, 153, 200, tờ 15 thửa 68, 132, 339.... Xã Long Tân	2017	Dự án được UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất số 1812/TB-UBND ngày 3/3/2017. - UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 2743-2822/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 2742/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 (đợt 1) 149 hộ diện tích 23,5ha, còn lại 25,8 ha đang thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường.
	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4)	77,14			LUC, HNK, CLN, ONT+	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	Tờ 34 thửa 155, 65, 66, 85, tờ 39 thửa 312, 277, tờ 38 thửa 1, 440... xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh tờ 53 thửa 53. 41. 40. 173....	2017	UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 683-1560 ngày 13/5/2023 đối với 878 hộ dân. Đã kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất
31	Đường 25C (bao gồm cả đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến đường Liên cảng)	149,70			LUC, HNK, CLN, ONT+	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Khánh	Tờ 62 thửa 39, 41, 45, tờ 63 thửa 37, 35,	2018	25C đoạn từ HL19 Long Thọ đến Đường số 2: Đã hoàn thành công tác bồi thường, xây dựng đê và sử dụng. - 25C đoạn Đường số 2 đến HL 19 Vĩnh Thanh: UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5209/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 (đợt 1), Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 (đợt 2), Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3) tổng số 454 trường hợp (có 05 tổ chức) với diện tích 63,7ha. Đến nay, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã chi trả tiền được 395/454 trường hợp (có 04 đất công và 01 tổ chức) diện tích 53,5ha; còn lại 59 hộ chưa nhận tiền với diện tích 10,2 ha. - 25C đoạn HL 19 Vĩnh Thanh đến đường Liên cảng: Ban Quản lý đầu tư
32	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	10,00			LUC, HNK, CLN, ONT	Long Thọ	Tờ 8 thửa 13, 19, 20, 233, 17, tờ 7 thửa 359, 101, 108....	2020	Ban quản lý Dự án đầu tư tư nhân chủ đầu tư, dự án đang lập hồ sơ và triển khai công tác bồi thường, kế hoạch giao vốn năm 2024 là 30 tỷ đồng
33	Trường THCS Long Thọ 2	1,09			CLN, LUC, HNK	Long Thọ	Tờ 101 thửa 5, 6, 20, 11	2017	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
34	Trường Tiểu học Long Thọ 2	1,07			DGD	Long Thọ	Tờ 4 thửa 154, 148, 155....	2017	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
35	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	17,29			CLN, ONT, HNK	Phú Hội	Tờ 10 thửa 242, 248, tờ 28 thửa 9, 14,	2015	Đã hoàn thành công tác thu hồi, bồi thường. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
36	Khu tái định cư Phước An	40,00				Phước An	Tờ 22 thửa 121, 119, 345.....	2016	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
37	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	0,32			HNK, NTD, CLN	Hiệp Phước	Tờ 19 thửa 170, 168, 166	2017	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
38	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	2,28			ONT+HNK, CLN, HNK	Phước Thiện	Tờ 20 thửa 134, 300, 352, 187 tờ 29 thửa 237, 311, 272, 283	2017	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
39	Trường Mầm non Phú Đông	0,43	0,43		DGD	Phú Đông	Tờ 24 thửa 154	2015	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
40	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	0,72	0,45		DGD	Phú Thạnh	Tờ 13 thửa 362	2017	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
41	Trường mầm non Long Thọ	0,90			DGD	Long Thọ	Tờ 26 thửa 32	2016	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
42	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	0,16			DGD	Phước Khánh	Tờ 12 thửa 107, 81	2016	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
43	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	0,04			DGD	Phước Khánh	Tờ 21 thửa 66	2016	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
44	Trường mầm non Phước Long	0,05			DGD	Long Thọ	Tờ 3 thửa 91	2023BS	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
45	Mở rộng trường Tiểu học Phú Đông	0,45	0,45		DGD	Phú Đông	Tờ 24 thửa 175, 407, 408, 441...	2020	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
46	Trường MN Đại Phước	0,58	0,58		DGD	Đại Phước	Tờ 38 thửa 223	2020	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
47	Trường TH Phước Khánh	0,98			DGD	Phước Khánh	Tờ 12 thửa 69	2020	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
48	Trường MN Phước Long	0,12			DGD	Long Thọ	Tờ 6 thửa 8	2023BS	Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy
49	Trạm biến áp 220 KV An Phước	0,28			LUC	Hiệp Phước	Tờ 2 thửa 34, 37	2017	Dự án đã được UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất từ số 720-723/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 719/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 diện tích 0.277ha với 03 hộ. Đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao chủ đầu tư.
50	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	1,30	1,30		DNL	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh	Tờ 68 thửa 180, 185, tờ 67 thửa 117, 118	2017	Công trình hoàn thành và thực hiện đóng điện vào ngày 24/10/2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục giao đất
51	Mở rộng trường THCS Phú Hội	0,70			CLN	Phú Hội	Tờ 35 thửa 381, 246, 240	2018bs	Thông báo THĐ số 180-186/TB-UBND huyện ngày 17/4/2019 Hiện dự án đã hoàn thành công tác bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án
52	Đường vào khu dân cư Sen Việt	1,47			NTS, HNK, ONT	Phú Hữu	Tờ 30 thửa 78, 201, 347, 425.....	2017	Thông báo từ số 90/TB-UBND đến số 128/TB-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường dự án
II Công trình bổ sung năm 2024									
1	Khu tái định cư Hiệp Phước	9,75	9,75		CLN	Hiệp Phước	Tờ 26 thửa 360, 170	2024	Dự án được UBND huyện ban hành Quyết định số 5025/QĐ-UBND ngày 09/8/2018, số 5535/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 và số 5759/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về phê duyệt phương án bồi thường đối với 126 hộ. Đến nay đã chi trả tiền bồi thường 45/126 hộ, còn lại 81 hộ chưa nhận tiền bồi thường. Còn lại 0,97 ha chưa ban hành Quyết định thu hồi đất. Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023. Đã được kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở thu hồi và bồi thường
2	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo	34,15	34,15		LUC, SON, CLN, HNK, ONT+HNK	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thạnh	Tờ 102 thửa 13, 41, 204, 183, 341, 74, 223... xã Phước An, tờ 70 thửa 344, 346, 138... xã Vĩnh Thạnh....	2024	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo được (giai đoạn 1) điều chỉnh theo QĐ số 523/QĐ - UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh. Nghị quyết số 27/NQ-UBND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh, quy mô tuyến đường được điều chỉnh giảm còn 5,5 km nên diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án còn khoảng 34,15ha. Về công tác thu hồi đất: đơn vị tư vấn đang tiến hành đo vẽ lập bản đồ địa chính để thực hiện thu hồi đất và ban hành Thông báo thu hồi đất. HĐND tỉnh thông qua NQ thu hồi đất năm 2024 tại NQ 24/2023/NQ-HĐND

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
3	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Vĩnh Thanh	0,49		0,49	LUC, HNK, CLN+ONT	Vĩnh Thanh	Tờ 28 thửa 196, 200, 199, 198	2024	Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục giao đất
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	0,32	0,32		DVH	Phú Thạnh	Tờ 15 thửa 46	2024	Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục giao đất
5	Dự án Chung cư Khu Nhà ở xã hội Phước An 2,12 ha.	2,12		2,12	ONT	Phước An	Tờ 30 thửa 80	2024	UBND huyện đã có Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 31/5/2023 về việc kiến nghị chấp thuận chủ trương đầu tư để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện.
6	Dự án Khu Nhà ở xã hội Phước An 5,6 ha (nằm trong quy hoạch chi tiết khu tái định cư Phước An	5,60		5,60	CLN, HNK	Phước An	Tờ 22 thửa 121, 119, 345.....	2024	UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 phê duyệt sơ bộ năng lực kinh nghiệm nhà đầu tư dự án chung cư nhà ở xã hội 5,6ha xã Phước An Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định
7	Trạm trung chuyển rác xã Long Thọ	0,33			CLN	Long Thọ	tờ 41 thửa 142	2024	Dự án Trạm trung chuyển rác xã Long Thọ được UBND huyện Nhơn Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 22/6/2022. Đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở triển khai thực hiện.
8	Bến thủy nội địa Phước Khánh (HTX Đóng tàu xã lan Nhơn Trạch)	14,65		14,65	BHK, CLN	Phước Khánh	Tờ 50 thửa 39, 38, 21, 49, tờ 54 thửa 10, 16, 29....	2024	Dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1091/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh, đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng nhưng chưa hoàn chỉnh phương án bồi thường, do đó chưa thực hiện thủ tục xin thuê đất. Tiến độ thực hiện đến hết 2023 và hiện nay đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư
9	Thiền viện Hương Nghiêm	0,54		0,54	TON	Phú Đông	Tờ 32 thửa 215, 205,	2024	Hiện trạng đang sử dụng. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất. Bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2024 làm cơ sở giao đất
10	TBA110kV dẹt may và nhánh rẽ	0,63	0,63		DNL	Hiệp Phước, Phước Thiền, Long Tân, Phú Hội, Phước An	Tờ 1 thửa 3	2024	Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục thuê đất
11	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN 6	0,38	0,38		BHK, CLN	Long Thọ		2024	Dự án đã hoàn thành xây dựng, nhưng bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thể hiện thiếu dự án. UBND có Văn bản số 7783/UBND-TN ngày 29/9/2023 của UBND huyện Nhơn Trạch gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục bổ sung dự án vào kế hoạch 2024

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
12	Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội (Công ty Cổ phần Đầu tư PV II)	9,99	-	9,99	CLN, HNK, ONT	Long Tân, Phú Hội	Tờ 22 thửa 7, 291, 2....	2024	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích 7,84 ha đã cho phép chuyển mục đích, phần diện tích còn lại đã được UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường số 7566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 đối với 14 hộ. Trung tâm Phát triển quỹ đất chi trả tiền bồi thường được 13/14 hộ. Chấp thuận chủ trương đầu tư số 11002/UBND-CNN ngày 26/12/2008, gia hạn tại VB số 6726/UBND-Đt ngày 21/8/2013. Điều chỉnh Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 28/8/2023. Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục giao đất, thuê đất.
13	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty TNHH Hai Dung)	22,75	-	22,75	LUC, CLN, HNK, ONT+CLN	Đại Phước	Tờ 15 thửa 291, 104, tờ 20 thửa 52, tờ 21 thửa 238....	2024	Giấy CNĐT số 47121000196 ngày 26/3/2009, thay đổi tên từ nmat ngày 22/7/2014, cấp quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 đến năm 2026 UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại Quyết định 3885/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 và Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 với diện tích 32,5ha. UBND huyện đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 21,36 ha tại Quyết định số 5009/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 và ban hành Quyết định thu hồi đất số 5010-5058/QĐ-UBND. Đang tiến hành chi trả tiền bồi thường và lập thủ tục giao đất, cho thuê đất.
14	Khu dân cư đô thị tại xã Đại Phước (Công ty Cổ phần Địa ốc Bảo Cường)	9,65	-	9,65	LUC, CLN, HNK, ONT+CLN	Đại Phước	Tờ 38 thửa 93, 130, tờ 32 thửa 208, 226....	2024	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 2198/UBND-CNN ngày 11/6/2014, điều chỉnh lần 1 tại Văn bản số 805/UBND-KTN ngày 31/01/2020; điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 Đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 91,817.5m ² tại QĐ số 2887/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện Đã hoàn thành công tác bồi thường. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất.
	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân phù hợp với quy hoạch								
I	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở	2,42				Các xã, thị trấn			
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Long Tân	0,35				Long Tân	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phú Đông	0,08				Phú Đông	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phú Hội	0,05				Phú Hội	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phú Hữu	0,22				Phú Hữu	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phước An	0,32				Phước An	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phước Thiện	0,12				Phước Thiện	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ, thửa)	Năm đăng ký KH	Cơ sở pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Vinh Thanh	0,6				Vinh Thanh	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Long Thọ	0,02				Long Thọ	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Phú Thạnh	0,49				Phú Thạnh	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp qua đất ở xã Đại Phước	0,17				Đại Phước	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	<i>Trong đó:</i>								
	CMD từ đất trồng lúa qua đất ở	0,55				Các xã			
	CMD từ đất trồng lúa qua đất ở xã Phước An	0,16				Phước An	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất trồng lúa qua đất ở xã Vinh Thanh	0,29				Vinh Thanh	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất trồng lúa qua đất ở xã Phú Hữu	0,10				Phú Hữu	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
II	CMD từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	0,10				Phú Hữu			
	<i>Trong đó:</i>								
	CMD từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm xã Phú Hữu	0,10				Phú Hữu	Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân	2024	Theo đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân

Biểu 04/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.193,51	154,21	22,21	81,80	13,96	159,41	360,31	124,75	5,44	34,27	22,18	94,23	120,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	419,67	78,71	4,56	26,10	8,06	30,89	77,66	106,77	0,78	22,22	-	4,13	59,79
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>407,98</i>	<i>77,94</i>	<i>4,56</i>	<i>26,10</i>	<i>8,06</i>	<i>21,05</i>	<i>77,36</i>	<i>106,77</i>	<i>-</i>	<i>22,22</i>	<i>-</i>	<i>4,13</i>	<i>59,79</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	306,51	3,47	2,48	8,64	0,56	20,96	210,25	6,97	1,43	2,84	8,26	16,34	24,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	416,35	65,58	15,15	42,89	5,34	79,67	67,16	9,74	3,23	7,95	13,92	72,52	33,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,97	-	-	-	-	7,97	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	43,01	6,45	0,02	4,17	-	19,92	5,24	1,27	-	1,26	-	1,24	3,44
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu 04B/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 THEO HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.282,24	145,24	21,70	119,26	13,62	135,21	372,68	124,63	5,36	34,05	28,39	133,98	148,12
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	537,81	76,85	3,96	42,20	6,53	30,73	168,25	106,77	0,78	22,12	-	19,96	59,66
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>525,19</i>	<i>76,08</i>	<i>3,96</i>	<i>42,06</i>	<i>6,04</i>	<i>20,89</i>	<i>168,25</i>	<i>106,77</i>	<i>-</i>	<i>22,12</i>	<i>-</i>	<i>19,96</i>	<i>59,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	218,57	3,47	0,56	18,84	3,39	17,46	103,84	6,97	1,35	2,75	9,92	16,46	33,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	437,12	58,72	17,16	40,66	3,70	36,46	94,64	9,62	3,23	7,92	18,47	95,38	51,16
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	7,97	-	-	-	-	7,97	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	37,61	-	-	0,12	-	35,62	1,08	-	-	-	-	-	0,79
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	43,16	6,20	0,02	17,44	-	6,97	4,87	1,27	-	1,26	-	2,18	2,95
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	0,10	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT													

Biểu 04C/CH

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Nghị quyết	Cơ sở đề xuất
				Lúa	RPH				
1	Khu công nghiệp Ông Kèo	SKK	531,70	63,30	-	Phước Khánh	2015		Dự án còn 206,7ha Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường. Phần diện tích còn lại đã hoàn thành công tác bồi thường và chủ đầu tư đã thỏa thuận để lập thủ tục thuê đất theo quy định.
2	Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (bổ sung phục vụ thi công cải tạo kênh N14 và tuyến kênh Bàu Bông - Mương Dừa)	DGT	5,06	0,43	-	Phước Khánh, Phước An	2022		Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 624-627/TB-UBND ngày 19/9/2022 đối với 04 hộ. Đã phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm phát triển đất đang phương án bồi thường
3	Đường Liên cảng (GD1)	DGT	51,20	21,53	-	Phú Hữu, Phú Đông	2023	26/2022	Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện dự án
4	Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	DGT	8,51	0,00	4,53	Phước An	2022BS	01/2022bs	Chủ đầu tư đang lập bản đồ địa chính khu đất và lập thủ tục đầu tư theo quy định.
5	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	DTL	16,42	2,35	-	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	2022BS	01/2022bs	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 147-396/TB-UBND ngày 28/3/2023 đối với 250 hộ. Hiện Trung tâm Phát triển quy đất đang lập các thủ tục bồi thường, thu hồi đất dự án.
6	Làng đô thị giáo dục Hoa Kỳ	DGD	147,0	115,6	-	Phước Thiện	2022		Dự án tự thỏa thuận theo Điều 73 Luật đất đai 2013. Chủ đầu tư đang lập thủ tục xin thỏa thuận theo quy định
7	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	DNL	0,14	0,14	-	Hiệp Phước	2021	24/2020	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 135 đến 140/TB-UBND ngày 28/3/2022. Đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập phương án bồi thường theo quy định.
8	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	DNL	0,85	0,85	-	Phước Khánh	2021	24/2020	Quyết định số 1497/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 500kV NMD Nhơn Trạch 4 - rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình số 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
9	DZ 220kV đấu nối NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	DNL	4,00	0,85	-	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	2021	24/2020	Quyết định số 1495/QĐ-EVNNPT ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia Phê duyệt Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKKT, DT) Công trình Đường dây 220KV NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500 KV Long Thành. Ngày 02/10/2023 UBND huyện có Tờ trình 167/TTr-UBND kiến nghị điều chỉnh quy mô, vị trí công trình trong hồ sơ, bản đồ quy hoạch sử dụng đất 2030 huyện Nhơn Trạch
10	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (1)	ONT	49,81	27,85	-	Đại Phước	2022	18/2021	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 03/8/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Nghị quyết	Cơ sở đề xuất
				Lúa	RPH				
11	Dự án khu đô thị du lịch Đại Phước (2)	ONT	75,47	36,81	-	Đại Phước	2022	18/2021	UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22/5/2023. Đang triển khai thực hiện dự án theo quy định
12	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	DTS	0,07	0,03	-	Phước Khánh	2022	18/2021	Dự án đã được UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất 206, 207/TB-UBND ngày 05/5/2022. Đối với 02 hộ, hiện trung tâm phát triển Ngày 20/4/2023 Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh có VB số 260/BQLDACTGT-QLDA3 triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án.
13	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	DGT	87,60	2,14	-	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	2017	18/2021	- Ban QLDA đang triển khai công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án, Ban QLDA sẽ bàn giao cho UBND huyện hồ sơ thiết kế, ranh GPMB, tìm mốc ngoài thực địa làm cơ sở cho đơn vị đo vẽ lập bản đồ THĐ và bồi thường giải phóng mặt bằng.
14	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	DGT	49,40	13,23	-	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017		Dự án được UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất số 1812/TB-UBND ngày 3/3/2017. - UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 2743-2822/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 2742/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 (đợt 1) 149 hộ diện tích 23,5ha, còn lại 25,8 ha đang thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường.
	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4)	DGT	77,14	11,88	-	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	2017		UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 683-1560 ngày 13/5/2023 đối với 878 hộ dân. Đã kiểm kê hiện trạng và phê duyệt giá đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất
15	Đường 25C (bao gồm cả đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến đường Liên cảng)	DGT	149,70	6,43	-	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Khánh	2018	18/2021	25C đoạn từ HL19 Long Thọ đến Đường số 2: Đã hoàn thành công tác bồi thường, xây dựng đê và sử dụng. - 25C đoạn Đường số 2 đến HL 19 Vĩnh Thanh: UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5209/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 (đợt 1), Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 (đợt 2), Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 (đợt 3) tổng số 454 trường hợp (có 05 tổ chức) với diện tích 63,7ha. Đến nay, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã chi trả tiền được 395/454 trường hợp (có 04 đất công và 01 tổ chức) diện tích 53,5ha; còn lại 59 hộ chưa nhận tiền với diện tích 10,2 ha. - 25C đoạn HL 19 Vĩnh Thanh đến đường Liên cảng: Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
16	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	DGT	10,00	6,16	-	Long Thọ	2020	196/2019	Ban quản lý Dự án đầu tư tỉnh đang lập dự án đầu tư
17	Trường THCS Long Thọ 2	DGD	1,09	0,80	-	Long Thọ	2017		Hiện trạng đã xây dựng. Lập thủ tục giao đất, cấp giấy

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Nghị quyết	Cơ sở đề xuất
				Lúa	RPH				
18	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo	DGT	34,15	2,9	-	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	2024	24/2023	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo được (giai đoạn 1) điều chỉnh theo QĐ số 523/QĐ - UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh. Nghị quyết số 27/NQ-UBND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh, quy mô tuyến đường được điều chỉnh giảm còn 5,5 km nên diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án còn khoảng 34,15ha. Về công tác thu hồi đất: đơn vị tư vấn đang tiến hành đo vẽ lập bản đồ địa chính để thực hiện thu hồi đất và ban hành Thông báo thu hồi đất.
19	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Vĩnh Thanh	DVH	0,49	0,03	-	Vĩnh Thanh	2024		Đã hoàn thành công tác bồi thường và xây dựng. Đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2024 để lập thủ tục giao đất
20	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty TNHH Hai Dung)	ONT	22,75	11,42	-	Đại Phước	2024	145/2018 24/2020	Giấy CNĐT số 47121000196 ngày 26/3/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 22/7/2014, cấp quyết định Điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 đến năm 2026 UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại Quyết định 3885/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 và Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 với diện tích 32,5ha. UBND huyện đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 21,36 ha tại Quyết định số 5009/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 và ban hành Quyết định thu hồi đất số 5010-5058/QĐ-UBND. Đang tiến hành chi trả tiền bồi thường và lập thủ tục giao đất, cho thuê đất.
21	Khu dân cư đô thị tại xã Đại Phước (Công ty Cổ phần Địa ốc Bảo Cường)	ONT	9,65	2,93	-	Đại Phước	2024	196/2019	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 2198/UBND-CNN ngày 11/6/2014, điều chỉnh lần 1 tại Văn bản số 805/UBND-KTN ngày 31/01/2020; điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 Đã phê duyệt phương án bồi thường với diện tích 91,817.5m ² tại QĐ số 2887/QĐ-UBND ngày 4/8/2020 của UBND huyện Đã hoàn thành công tác bồi thường. Chủ đầu tư đang làm thủ tục giao đất.
22	Bến thủy nội địa Phước Khánh (HTX Đóng tàu và lan Nhơn Trạch)	DGT	14,65	3,35	-	Phước Khánh	2024	196/2019	Dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1091/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh, đã hoàn thành kiểm kê hiện trạng nhưng chưa hoàn chỉnh phương án bồi thường, do đó chưa thực hiện thủ tục xin thuê đất. Tiến độ thực hiện đến hết 2023 và hiện nay đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư
	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân phù hợp với quy hoạch								
I	CMĐ từ đất nông nghiệp qua đất ở		2,42			Các xã, thị trấn			
	CMĐ từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Long Tân		0,35			Long Tân			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMĐ từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phú Đông		0,08			Phú Đông			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm	Năm đăng ký KHSDD	Nghị quyết	Cơ sở đề xuất
				Lúa	RPH				
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phú Hội		0,05			Phú Hội			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phú Hữu		0,22			Phú Hữu			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phước An		0,32			Phước An			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phước Thiện		0,12			Phước Thiện			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Vĩnh Thanh		0,6			Vĩnh Thanh			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Long Thọ		0,02			Long Thọ			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Phú Thạnh		0,49			Phú Thạnh			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất nông nghiệp sang đất ở xã Đại Phước		0,17			Đại Phước			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	<i>Trong đó:</i>								
	CMD từ đất trồng lúa sang đất ở		0,55			Các xã			
	CMD từ đất trồng lúa sang đất ở xã Phước An		0,16			Phước An			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất trồng lúa sang đất ở xã Vĩnh Thanh		0,29			Vĩnh Thanh			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
	CMD từ đất trồng lúa sang đất ở xã Phú Hữu		0,10			Phú Hữu			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân
II	CMD từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm		0,10			Phú Hữu			
	<i>Trong đó:</i>								
	CMD từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm xã Phú Hữu		0,10			Phú Hữu			Theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân

Biểu 04D/CH**DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Stt	ĐVHC	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích CMD (m ²)	Loại đất đăng ký CMD (m ²)	QH SDD được duyệt	QHC đô thị mới theo Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
1	Phú Hữu	Phan Văn Trọng	57	336	1000	CLN	CLN	sinh thái nông nghiệp	
2	Phú Hữu	Tạ Quang Vũ	20	685	360	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị + đất giao thông	
3	Phú Hữu	Nguyễn Văn Tuyển	21	206	1000	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị + đất giao thông	
4	Phú Đông	Đình Quang Nhật Nam	26	633	191	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
5	Phú Đông	Đào Xuân Hùng	35	392	247	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
6	Phú Đông	Nguyễn Thị Kim Liên	37	393	313	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị	
7	Phước An	Hồ Minh Hoàng	76	39	150	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
8	Phước An	Hồ Minh Hoàng	76	40	150	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
9	Phước An	Nguyễn Tiến Đạt	78	230	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
10	Phước An	Nguyễn Thị Hạnh	86	78	185	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
11	Phước An	Nguyễn Văn Đạt	86	79	200	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
12	Phước An	Nguyễn Văn Phát	86	293	185	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
13	Phước An	Nguyễn Văn Lên	86	294	165	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
14	Phước An	Nguyễn Văn Thanh	94	329	871	ONT+CLN	ONT	Đất ở đô thị	
15	Phước An	Thái Văn Nhựt	94	336	200	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
16	Phước An	Thân Thị Minh Hương	97	571	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
17	Phước An	Thái Văn Nhựt	100	203	500	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
18	Phước Thiện	Lê Văn Tiên Trần Nhật Lê	13	86	69,6	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
19	Phước Thiện	Huỳnh Xuân Đào	17	343	84	ONT	ONT	Đất ở đô thị	

Stt	ĐVHC	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích CMD (m2)	Loại đất đăng ký CMD (m2)	QH SDD được duyệt	QHC đô thị mới theo Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
20	Phước Thiện	Huỳnh Ngọc Tuấn	20	429	250	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
21	Phước Thiện	Phan Sơn Giang	26	190	97	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
22	Phước Thiện	Đỗ Huy Dũng	29	116	200	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
23	Phước Thiện	Nguyễn Thị Ngọc	29	331	60	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
24	Phước Thiện	Nguyễn Hữu Mạnh	32	252	99	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
25	Phước Thiện	Nguyễn Hữu Mạnh	32	424	99	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
26	Phước Thiện	Phạm Hà Liên	32	554	91	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
27	Phước Thiện	Nguyễn Thị Thảo	32	1076	150	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
28	Vĩnh Thanh	Phạm Duy Ca	7	7	500	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
29	Vĩnh Thanh	Trương Minh Hải	7	53	161	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
30	Vĩnh Thanh	Lê Lộc	9	496	782	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
31	Vĩnh Thanh	Lê Lộc	10	364	77	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
32	Vĩnh Thanh	Lê Lộc	10	365	132	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
33	Vĩnh Thanh	Lê Lộc	10	366	112	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
34	Vĩnh Thanh	Bùi Chiến Anh	11	195	45	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
35	Vĩnh Thanh	Nguyễn Văn Hòa	22	158	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
36	Vĩnh Thanh	Nguyễn Hữu Dur	22	262	346	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
37	Vĩnh Thanh	Nguyễn Thị Thanh Hà	25	35	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
38	Vĩnh Thanh	Nguyễn Văn Hòa	26	393	616	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
39	Vĩnh Thanh	Nguyễn Văn Tiến	27	128	566	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
40	Vĩnh Thanh	Phạm Thị Lợi	39	3	150	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
41	Vĩnh Thanh	Phùng Anh Tuấn	40	46	450	ONT	ONT	Đất ở đô thị	

Stt	ĐVHC	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích CMD (m2)	Loại đất đăng ký CMD (m2)	QH SDD được duyệt	QHC đô thị mới theo Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
42	Vĩnh Thanh	Phùng Anh Tuấn	40	47	500	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
43	Vĩnh Thanh	Hoàng Văn Cảnh	40	53	50	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
44	Vĩnh Thanh	Nguyễn Thị Kim Phụng	41	177	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
45	Vĩnh Thanh	Nguyễn Thị Công	54	257	140	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
46	Vĩnh Thanh	Đào Thị Ngọc Liên	54	305	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
47	Vĩnh Thanh	Nguyễn Thị Bích Thủy	54	370	200	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
48	Long Tân	Nguyễn Văn Chan	26	551	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
49	Long Tân	Nguyễn Thị Tiếp	27	179	300	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị	
50	Long Tân	Nguyễn Thị Lệ Thi	36	313	710	ONT	ONT+DHT	Đất ở đô thị	
51	Long Tân	Phạm Thị Lành	37	344	300	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
52	Long Tân	Quách Dật Hùng	43	384	100	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị và giao thông	
53	Long Tân	Cao Thị Lòng	43	385	100	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị và giao thông	
54	Long Tân	Trần Quang Sơn	46	31	100	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
55	Long Tân	Bùi Minh Hải	54	18	150	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị và giao thông	
56	Long Tân	Nguyễn Văn Nguyên	54	166	100	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
57	Long Tân	Trần Quốc Huy	54	196	1369,5	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
58	Phú Hội	Hà Xuân Lâm- Trần Thị Lạc	20	38	250	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
59	Phú Hội	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	23	125	150	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
60	Phú Hội	Nguyễn Chí Hiếu	28	157	97	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
61	Phú Hữu	Phạm Ngọc Tuấn	11	18	122,4	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
62	Phú Hữu	Lê Thị Diễm Huệ	19	301	101	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
63	Phú Hữu	Tạ Văn Huyền	20	684	450	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị	

Stt	ĐVHC	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích CMD (m2)	Loại đất đăng ký CMD (m2)	QH SDD được duyệt	QHC đô thị mới theo Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Ghi chú
64	Phú Hữu	Bạch Văn Hai	24	203	100	ONT	ONT+DHT	Đất ở đô thị và cây xanh	
65	Long Thọ	Nguyễn Thị Mai	26	208	59	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
66	Long Thọ	Nguyễn Văn Nhân	58	453	160	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị + đất giao thông	
67	Phú Thạnh	Huỳnh Thị Cẩm Thuý	6	145	120	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
68	Phú Thạnh	Lê Văn Long	13	127	1833	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
69	Phú Thạnh	Trương Mỹ Chi	13	338	200	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
70	Phú Thạnh	Nguyễn Công Thành	13	339	100	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
71	Phú Thạnh	Lê Văn Long	14	98	1194	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
72	Phú Thạnh	Lê Văn Long	18	263	1420	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị + đất giao thông	
73	Đại Phước	Lê Kim Hương	25	55	1057,7	ONT	ONT+DGT	Đất ở đô thị + đất giao thông	
74	Đại Phước	Huỳnh Tấn Xuân	19	304	304	ONT	ONT	Đất ở đô thị	
75	Đại Phước	Trần Văn Bến	20	135	400	ONT	ONT	Đất ở đô thị	

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2024 CỦA HUYỆN NHƠN TRẠCH PHÂN BỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiên	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thạnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	860,88	124,19	10,52	63,43	13,61	114,09	252,72	13,72	5,36	34,05	15,80	93,74	119,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA	235,60	64,82	4,56	13,23	8,06	30,73	23,66	4,04	0,78	22,12	-	4,13	59,47
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>224,52</i>	<i>64,66</i>	<i>4,56</i>	<i>13,23</i>	<i>8,06</i>	<i>20,89</i>	<i>23,36</i>	<i>4,04</i>	<i>-</i>	<i>22,12</i>	<i>-</i>	<i>4,13</i>	<i>59,47</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	255,29	3,42	2,37	8,25	0,54	17,46	169,64	6,60	1,35	2,75	2,51	16,34	24,06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	324,10	50,21	3,57	37,95	5,01	38,01	57,15	3,05	3,23	7,92	13,29	72,03	32,68
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	7,97	-	-	-	-	7,97	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	37,92	5,74	0,02	4,00	-	19,92	2,27	0,03	-	1,26	-	1,24	3,44
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	98,74	6,56	11,53	8,91	2,19	12,91	13,71	1,21	0,34	6,37	2,95	17,65	14,41
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,00	-	-	-	-	-	1,67	-	-	-	1,21	-	0,12
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,62	-	-
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	27,45	0,35	9,20	2,19	0,45	0,42	1,66	0,10	-	2,41	1,10	5,67	3,90
	- Đất giao thông	DGT	12,35	0,09	0,43	2,09	0,45	-	0,38	0,01	-	0,72	0,77	4,57	2,84
	- Đất thủy lợi	DTL	11,79	-	8,77	0,10	-	-	1,18	-	-	0,63	0,03	0,65	0,43
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	0,41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,41	-
	- Đất cơ sở y tế	DYT	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,21	0,03	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	0,20	0,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,45	0,06	-	-	-	0,42	0,10	0,09	-	1,06	0,09	-	0,63
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	26,14	3,03	-	0,89	0,07	1,40	0,52	1,07	0,34	0,40	0,02	11,70	6,70

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Đại Phước	Hiệp Phước	Long Tân	Long Thọ	Phước An	Phước Khánh	Phước Thiện	Phú Đông	Phú Hữu	Phú Hội	Phú Thạnh	Vĩnh Thanh
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,59	-	0,59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	-	0,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	40,92	3,18	1,74	5,83	1,67	11,09	9,86	0,04	-	3,56	-	0,28	3,67

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Mã	Tên xã	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm KH	Ghi chú(chuyển tiếp/Bổ sung)
I. Dự án thu hồi theo Điều 61 - Luật đất đai 2013						-	
II. Dự án thu hồi theo khoản 1, 2 Điều 62 - Luật đất đai 2013						338,30	
1	Khu công nghiệp Ông Kèo	SKK	Phước Khánh	531,70	206,70	2015	Chuyển tiếp, bổ sung thêm diện tích để làm thủ tục giao đất, cho thuê đất
2	Dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành (Cải tạo kênh N14 và tuyến kênh Bàu Bông - Mương Dừa - Mù U)	DGT	Phước Khánh, Phước An	5,06	5,06	2022	Chuyển tiếp
3	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	DGT	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	49,40	49,40	2017	Chuyển tiếp
	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4)	DGT	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	77,14	77,14	2017	Chuyển tiếp
III. Dự án thu hồi theo khoản 3 Điều 62 - Luật đất đai 2013						347,75	
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						3,67	
4	Trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm)	DGD	Phước An	1,20	1,20	2022	Chuyển tiếp
5	Trụ sở làm việc Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	DTS	Phước Khánh	0,07	0,07	2022	Chuyển tiếp
6	Trường THPT Phước Thiện	DGD	Phước Thiện	1,70	1,70	2023	Chuyển tiếp
7	Mở rộng trường THCS Phú Hội	DGD	Phú Hội	0,70	0,70	2018	Chuyển tiếp
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom xử lý chất thải						343,11	
8	Đường Liên cảng (GD1)	DGT	Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông	51,20	51,20	2023	Chuyển tiếp
9	Đường số 3 xã Phước Thiện (GD 1 từ đường 769 đến đường số 1)	DGT	Phước Thiện	0,78	0,78	2023	Chuyển tiếp
10	Cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	DGT	Phước An	8,51	8,51	BS2022	Chuyển tiếp
11	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ khu trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang) (đường 25B)	DGT	Long Tân, Phú Thạnh	29,00	29,00	2022	Chuyển tiếp
12	Đường Lê Hồng Phong nối dài	DGT	Phước An, Long Thọ	5,30	5,30	2022	Chuyển tiếp
13	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	DGT	Vĩnh Thanh, Phước An	20,68	20,68	2022	Chuyển tiếp
14	Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu tái định cư Phước Thiện đến đường Trần Phú)	DGT	Phước Thiện	1,12	1,12	2022	Chuyển tiếp
15	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	DGT	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60	3,21	2017	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Mã	Tên xã	Diện tích kế hoạch 2023 (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm KH	Ghi chú(chuyển tiếp/Bổ sung)
16	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	DGT	Long Thọ	10,00	10,00	2020	Chuyển tiếp
17	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	DGT	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	2,69	2017	Chuyển tiếp
18	Đường 25C (bao gồm cả đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến đường Liên cảng)	DGT	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội, Phước Khánh	149,70	149,70	2018	Chuyển tiếp
19	Đường vào khu dân cư Sen Việt	DGT	Phú Hữu	1,47	1,47	2018	Chuyển tiếp
20	Đường vào khu công nghiệp Ông Kèo	DGT	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	34,15	34,15	2024	Bổ sung
21	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	DTL	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	16,20	5,00	2022	Chuyển tiếp
22	Tuyến ống cấp nước từ QL 51 đến KCN 6	DTL	Long Thọ	0,38	0,38	2024	Bổ sung
23	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	DNL	Hiệp Phước	0,14	0,14	2021	Chuyển tiếp
24	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	DNL	Phước Khánh	0,85	0,85	2021	Chuyển tiếp
25	DZ 220kV đầu nối NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành	DNL	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	4,00	4,00	2021	Chuyển tiếp
26	Trạm biến áp 220 KV An Phước	DNL	Hiệp Phước	0,28	0,28	2017	Chuyển tiếp
27	Bến thủy nội địa Phước Khánh (HTX Đóng tàu xà lan Nhơn Trạch)	DGT	Phước Khánh	14,65	14,65	2024	Bổ sung
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng					0,97		
28	Khu tái định cư Hiệp Phước	ODT	Hiệp Phước	9,75	0,97	2024	Bổ sung
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng							
29	Khu đô thị du lịch sinh thái six senses saigon river (Công ty TNHH Hai Dung)	ONT	Đại Phước	55,25	22,75	2024	Bổ sung
30	Khu dân cư đô thị tại xã Đại Phước (Công ty Cổ phần Địa ốc Bảo Cường)	ONT	Đại Phước	9,65	9,65	2024	Bổ sung

Biểu 07/CH**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023, NAY KHÔNG TIẾP TỤC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN NHƠN TRẠCH**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đưa vào kế hoạch	Ghi chú
1	Trụ sở làm việc BCHQS huyện Nhơn Trạch	Phước An	5,00	2022BS	Chưa thực hiện, không có bố trí vốn 2024.
2	Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Phú Thạnh	4,50	2021	Quyết định số 2480/QĐ-UBND 08/8/2019 của UBND tỉnh về việc duyệt chủ trương đầu tư dự án, tiến độ thực hiện 2021-2022, Hiện chưa lập hồ sơ bồi thường dự án. Dự án quá 03 năm chưa hoàn thành công tác bồi thường, hết tiến độ thực hiện dự án.
3	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh	0,13	2021	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai đăng ký KH 2024 diện tích 0,075 ha. Vị trí cung cấp chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.
4	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đầu nối	Phú Hội	3,60	2021	Chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất được duyệt. Hiện chủ đầu tư đang lập bản đồ địa chính khu đất, lập thủ tục hồ sơ dự án vào hồ sơ quy hoạch sử dụng đất để làm cơ sở ban hành Thông báo thu hồi đất.
5	Khu dân cư theo QH (An Gia)	Phú Hữu	4,52	2021	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 chấp thuận chủ trương đầu tư sau ngày 01/7/2014. Hết tiến độ thực hiện 2022 nhưng chưa được UBND tỉnh giao đất. Dự án bị hủy tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.
6	Khu dân cư Điền Phước	Long Tân	95,20	2021	Quyết định chủ trương đầu tư số 3184/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai sau ngày 01/7/2014 chưa lập thủ tục bồi thường, chưa được UBND tỉnh giao đất.
7	Khu dân cư tổng hợp - kết hợp TMDV phát triển theo QH (BDS Phú Mỹ An)	Phú Hội	16,14	2021	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 chấp thuận chủ trương đầu tư sau ngày 01/7/2014. Hết tiến độ thực hiện 2022 nhưng chưa thực hiện.
8	Khu dân cư Phú Hữu (Phú Thịnh Land)	Phú Hữu	201,45	2021	Quyết định số 3760/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 và 2083/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án khu dân cư tại xã Phú Hữu. Tiến độ thực hiện bồi thường 2018-2021. Dự án sau ngày 01/7/2014 chưa thực hiện bồi thường, có một phần diện tích thuộc đất dự trữ sau 2035.
9	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	0,65	2015	Đã hoàn thành xây dựng nằm trong khu tái định cư Phú Hội đang lập thủ tục giao đất, cấp giấy
10	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03	2017	Dự án không phù hợp quy hoạch xây dựng.